

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRỊNH NGỌC ANH

**QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG  
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN DƯỚI GÓC NHÌN CỦA  
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

**HÀ NỘI, 2018**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRỊNH NGỌC ANH

**QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG  
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN DƯỚI GÓC NHÌN CỦA  
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

Ngành: Tài chính – Ngân hàng

Mã số: 8.34.02.01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
PGS.TS. LÊ HUY TRỌNG

**HÀ NỘI, 2018**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu trong Luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng. Những kết quả trong Luận văn chưa từng được công bố trong bất cứ một công trình nào khác.

Tác giả

**Trịnh Ngọc Anh**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN</b> .....	6
1.1 Khái niệm về dự án và quản lý dự án.....	6
1.2. Khái niệm về quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện .....	10
1.3 Quy trình quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện.....	11
1.4 Nội dung quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện ...	14
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH MỘT SỐ DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN</b> .....	21
2.1. Khái quát tình hình một số dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện. ....	21
2.2. Công tác quản lý tài chính trong xây dựng các nhà máy nhiệt điện do Tập đoàn điện lực Việt Nam đầu tư .....	26
2.3. Thực trạng quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng một số dự án nhà máy nhiệt điện qua góc nhìn của Kiểm toán nhà nước. ....	30
<b>Chương 3: ĐÁNH GIÁ TÍNH KINH TẾ, HIỆU QUẢ, HIỆU LỰC TRONG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN - VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ</b> .....	62
3.1. Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực trong quản lý tài chính các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện .....	62
3.2. Một số khuyến nghị nhằm tăng cường tính hiệu quả của các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện .....	70
3.3. Kiến nghị đối với cơ quan Bộ và Chính phủ .....	73
<b>KẾT LUẬN</b> .....	75
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	76

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ đầy đủ
BCKT	Báo cáo kiểm toán
BCTC	Báo cáo tài chính
CĐT	Chủ đầu tư
DAĐT	Dự án đầu tư
ĐTXD	Đầu tư xây dựng
EVN	Điện lực Việt Nam
GPMB	Giải phóng mặt bằng
KTNN	Kiểm toán nhà nước
KHKT	Kế hoạch kiểm toán
KH&ĐT	Kế hoạch và đầu tư
NCKT	Nghiên cứu khả thi
NCTKT	Nghiên cứu tiền khả thi
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NSNN	Ngân sách nhà nước
NSTW	Ngân sách trung ương
TMĐT	Tổng mức đầu tư
TKKT-TDT	Thiết kế kỹ thuật – Tổng dự toán
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
NSDP	Ngân sách địa phương
TW	Trung ương
XDCB	Xây dựng cơ bản
WB	Ngân hàng thế giới

## **DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH**

Hình 1.1: Phương pháp xác định Tổng mức đầu tư .....	15
--	----

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, ngành Công nghiệp đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển đặc biệt là công nghiệp điện.

Điện năng là một loại hàng hóa đặc thù, là động lực thúc đẩy phát triển sản xuất và đời sống xã hội. Do đó, ngành Điện được coi là ngành hạ tầng cơ sở và sự phát triển của ngành Điện phải đi tiên phong. Trong những năm qua, hoạt động điện lực đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư thích đáng. Ngành điện lực đã và đang thực hiện có hiệu quả và có những đóng góp đáng kể vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Khác với các sản phẩm hàng hóa thông thường, điện có khả năng đáp ứng nhanh chóng những biến đổi của nhu cầu tại mọi thời điểm và tính hầu như không thể dự trữ được của điện đòi hỏi tất cả các dây chuyền sản xuất, truyền tải và phân phối điện phải luôn luôn ở trong tình trạng sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phụ tải. Vì thế, sự phát triển ngành Điện đòi hỏi phải đồng bộ và phải có lượng vốn đầu tư rất lớn.

Bên cạnh nguồn điện từ các nhà máy thủy điện lớn thì cần phải xây dựng các nhà máy nhiệt điện nhằm đáp ứng nhu cầu điện năng của đất nước. Đó là lý do mà Chính phủ cho phép thực hiện xây dựng nhiều nhà máy nhiệt điện. Và để các nhà máy nhiệt điện này hoạt động hiệu quả, đúng mục tiêu thì công tác quản lý các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Trong những năm qua các nhà máy nhiệt điện đi vào hoạt động đã đóng góp phần đáng kể trong nguồn cung điện năng đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Tuy nhiên quá trình xây dựng nhà máy nhiệt điện gặp nhiều khó khăn về địa bàn xây dựng, về vốn đầu tư, về công tác quản lý dự án và sự phối hợp của các cơ quan ban ngành, địa phương. Vì vậy các nhà máy nhiệt

điện này chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, đặc biệt việc quản lý các dự án, quản lý tài chính các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện còn nhiều vấn đề cần phải hoàn thiện. Đó là lý do tôi lựa chọn đề tài ***“Quản lý tài chính các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện dưới góc nhìn của Kiểm toán Nhà nước”*** để hoàn thành luận văn Thạc sĩ.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Dự án xây dựng các nhà máy nhiệt điện có nguồn vốn từ vốn nhà nước tại các tập đoàn, chủ yếu là Tập đoàn Điện lực và vốn vay thương mại có bảo lãnh của Chính phủ. Để nghiên cứu việc quản lý nguồn vốn này cũng như quản lý tài chính nói chung tại các dự án, tác giả luận văn đã tìm hiểu và nghiên cứu các tài liệu liên quan đến quản lý tài chính và quản lý dự án. Các tài liệu như: Quản trị tài chính đầu tư lý thuyết và ứng dụng tác giả TS.Đinh Thế Hiển; Lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý & điều hành dự án đầu tư xây dựng tác giả PGS.TS Thái Bá Cận; Lập, đọc, phân tích và kiểm tra báo cáo tài chính tác giả PGS.TS. Trần Mạnh Dũng - PGS.TS. Phạm Đức Cường - TS. Đinh Thế Hùng. Các báo cáo tài chính do kiểm toán độc lập thực hiện như: Đoàn Thị Ngọc Trai (2003) với công trình “Hoàn thiện tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính doanh nghiệp ở Việt Nam”; Phạm Tiến Hưng (2009) với nghiên cứu “Hoàn thiện kiểm toán báo cáo tài chính của các Công ty xây lắp của các tổ chức kiểm toán độc lập”; Nguyễn Thị Mỹ (2012) với công trình “Hoàn thiện kiểm toán báo cáo tài chính của các Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam”; Phí Thị Kiều Anh (2016) với đề tài “Hoàn thiện kiểm toán báo cáo tài chính ngân hàng thương mại tại các doanh nghiệp kiểm toán độc lập ở Việt Nam” ... Các nghiên cứu này phần lớn tập trung vào việc làm rõ những nội dung cơ bản của kiểm toán BCTC và quy trình kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) với các dữ liệu minh chứng tại các đơn vị nghiên cứu, phần lớn qua phỏng vấn và thống kê mô tả; quan sát và qua đó đưa ra các giải pháp cùng kiến nghị để hoàn thiện tổ chức kiểm toán, quy trình kiểm toán... do kiểm toán độc lập thực hiện.



Bên cạnh đó tác giả luận văn cũng nghiên cứu các tài liệu kiểm toán dự án đầu tư do Kiểm toán nhà nước (KTNN) thực hiện, có thể kể đến:

+ Lưu Trường Kháng (2012) với công trình “Hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán dự án đầu tư do Kiểm toán nhà nước Việt Nam thực hiện”.

Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung nghiên cứu giai đoạn thực hiện kiểm toán, trong đó chủ yếu nghiên cứu về kiểm toán BCTC và kiểm toán tuân thủ có kết hợp kiểm toán hoạt động ở mức độ hạn chế đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình do KTNN Việt Nam thực hiện. Tác giả nhấn mạnh vào các bước thực hiện trong thực hiện kiểm toán và phương pháp kiểm toán mà phần nhiều là thực hiện thử nghiệm cơ bản (thực hiện thủ tục phân tích; kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ, sổ dư và trình bày) trong kiểm toán. Nghiên cứu có đối tượng là kiểm toán dự án đầu tư nói chung do KTNN thực hiện.

+ Vương Đình Huệ (2009) với đề tài “Nội dung và phương pháp kiểm toán hoạt động đối với các Chương trình, dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước”. Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung vào đánh giá 3Es, đó là tính kinh tế (Economy), tính hiệu lực (Effectiveness) và tính hiệu quả (Efficiency) của Chương trình dự án đầu tư từ nguồn vốn NSNN cấp dưới phương diện cả về lý luận và thực tiễn qua dữ liệu minh chứng để qua đó nhằm hoàn thiện nội dung và phương pháp kiểm toán hoạt động của dự án đầu tư nói chung do KTNN thực hiện. Nghiên cứu này tập trung chủ yếu vào dự án đầu tư sử dụng vốn từ ngân sách.

+ Hoàng Văn Lương (2012) với công trình “Hoạt động kiểm toán đối với việc chống thất thoát lãng phí và tiêu cực trong đầu tư xây dựng cơ bản”. Trong nghiên cứu này, tác giả khảo sát thực trạng kiểm toán đầu tư XDCCB có gắn với nội dung tập trung về thất thoát lãng phí và tiêu cực mà thực sự không rõ ràng trong việc phát hiện và qua kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra các giải pháp nhằm phòng, chống thất thoát lãng phí và tiêu cực trong đầu tư XDCCB nói chung. Trong nghiên cứu này tác giả đi sâu vào các công trình đầu tư XDCCB với sự đa dạng của nguồn vốn.

+ Cù Hoàng Diệu (2016) với đề tài “Hoàn thiện kiểm soát chất lượng dự án đầu tư do Kiểm toán nhà nước thực hiện”. Trong nghiên cứu này, tác giả Cù Hoàng Diệu tập trung vào khảo sát đánh giá hoạt động kiểm soát chất lượng của các dự án đầu tư nói chung; qua đối tượng, phạm vi, nội dung, hình thức, phương pháp, quy trình, nhân sự kiểm soát chất lượng và đưa ra đánh giá kết quả đạt được và tồn tại để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm soát chất lượng kiểm toán dự án đầu tư nói chung.

+ Nguyễn Thanh Thủy (2016) với đề tài “Giải pháp hoàn thiện quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng cơ bản tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà”. Trong nghiên cứu này, tác giả đã tổng hợp lý luận và thực tiễn công tác quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng cơ bản của các doanh nghiệp nói chung và phân tích thực trạng công tác quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng cơ bản tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà. Luận văn cho thấy những hạn chế công tác quản trị tài chính dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty này. Trên cơ sở những tồn tại công tác quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng cơ bản của công ty, luận văn đã nghiên cứu đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo cho các mục tiêu phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà trong những năm tới.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

*Mục đích:* Nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính tại các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện.

*Nhiệm vụ:* Để đạt được mục tiêu trên cần

- Trình bày, luận giải một cách có hệ thống cơ sở lý luận công tác đầu tư xây dựng các nhà máy nhiệt điện.
- Phân tích, đánh giá thực trạng của các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện trong những năm qua.
- Đề xuất một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản lý tài chính các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện .

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là hoạt động đầu tư một số dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện và công tác quản lý dự án, quản lý tài chính dự án.

- Phạm vi nghiên cứu: Quản lý tài chính các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện từ 2015-2017.

#### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp chung: Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

- Phương pháp cụ thể: Luận văn sử dụng tổng hợp các phương pháp: Thống kê, phân tích, so sánh, đánh giá dựa trên nguồn số liệu là kết quả kiểm toán để nghiên cứu nhằm đạt mục tiêu của đề tài.

#### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

##### **6.1. Ý nghĩa về lý luận**

- Hệ thống hóa những nội dung cơ bản về dự án và quản lý tài chính dự án nhiệt điện

- Qua nghiên cứu đã xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính dự án dưới góc nhìn của Kiểm toán nhà nước.

##### **6.2. Ý nghĩa về thực tiễn**

- Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố tới quá trình quản lý tài chính tại một số dự án nhiệt điện. Đây là thông tin quan trọng để chủ đầu tư hay cơ quan chức năng có thể quản lý một cách có hiệu quả và phù hợp với các quy định hiện hành.

- Đề xuất các giải pháp và khuyến nghị nhằm hoàn thiện quy trình quản lý tài chính tại các dự án nhiệt điện các dự án đầu tư nhiệt điện.

#### **7. Kết cấu của Luận văn**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung chính của luận văn gồm có 3 chương. Cụ thể là:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về quản lý dự án và quản lý tài chính các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện

Chương 2: Thực trạng quản lý tài chính một số dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện

Chương 3: Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý tài chính dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện và một số khuyến nghị.

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN

## 1.1 Khái niệm về dự án và quản lý dự án

### 1.1.1. Khái niệm dự án

Dự án là tập hợp các đề xuất để thực hiện một phần hay toàn bộ công việc nhằm đạt được mục tiêu hay yêu cầu nào đó trong một thời gian nhất định dựa trên nguồn vốn xác định (khoản 7 Điều 4 - Luật Đấu thầu). Dự án là một quá trình mang đặc thù riêng bao gồm một loạt các hoạt động được phối hợp và kiểm soát, có định ngày khởi đầu và kết thúc, được thực hiện với những hạn chế về thời gian, chi phí và nguồn lực nhằm đạt được mục tiêu phù hợp với những yêu cầu cụ thể.

Dự án là đối tượng của quản lý, có mục tiêu rõ ràng, yêu cầu phải được hoàn thành trong một khoảng thời gian quy định, có dự toán tài chính từ trước và nói chung không được vượt qua dự toán đó.

❖ Đặc điểm chủ yếu của dự án:

- Mục tiêu của dự án bao gồm hai loại:

+ Mục tiêu mang tính thành quả là yêu cầu mang tính chức năng của dự án như công suất, chỉ tiêu kỹ thuật.

+ Mục tiêu mang tính ràng buộc như thời hạn hoàn thành, chi phí, chất lượng.

- Mang những yếu tố không chắc chắn và rủi ro.

- Chỉ tồn tại trong một thời gian nhất định.

- Yêu cầu có sự kết hợp nhiều nguồn lực đa dạng.

❖ Những đặc điểm khác của dự án:

- Một dự án cá biệt có thể là một phần của một dự án lớn

- Trong quá trình triển khai thực hiện, các mục tiêu và đặc điểm kết quả một số dự án sẽ được xác định lại.

- Kết quả của dự án có thể là một sản phẩm hoặc một số đơn vị của sản phẩm.
- Bộ máy tổ chức chỉ là tạm thời và được thành lập trong thời gian thực hiện dự án
- Sự tương tác giữa các hoạt động dự án có thể phức tạp.

### **1.1.2. Khái niệm quản lý dự án**

#### *a. Quản lý dự án và đặc trưng của nó*

Quản lý dự án là sự vận dụng lý luận, phương pháp, quan điểm có tính hệ thống để tiến hành quản lý có hiệu quả toàn bộ công việc liên quan tới dự án dưới sự ràng buộc về nguồn lực có hạn. Để thực hiện mục tiêu dự án, các nhà đầu tư phải lên kế hoạch tổ chức, chỉ đạo, phối hợp, điều hành, khống chế và định giá toàn bộ quá trình từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc dự án.

Quản lý dự án bao gồm những đặc trưng cơ bản sau:

- Chủ thể của quản lý dự án chính là người quản lý dự án.
- Khách thể của quản lý dự án liên quan đến phạm vi công việc của dự án (tức là toàn bộ nhiệm vụ công việc của dự án). Những công việc này tạo thành quá trình vận động của hệ thống dự án. Quá trình vận động này được gọi là chu kỳ tồn tại của dự án.
- Mục đích của quản lý dự án là để thực hiện mục tiêu của dự án, tức là sản phẩm cuối cùng phải đáp ứng được yêu cầu của khách hàng. Bản thân việc quản lý không phải là mục đích mà là cách thực hiện mục đích.
- Chức năng của quản lý dự án có thể khái quát thành nhiệm vụ lên kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, điều tiết, khống chế dự án. Nếu tách rời các chức năng này thì dự án không thể vận hành có hiệu quả, mục tiêu quản lý cũng không được thực hiện. Quá trình thực hiện mỗi dự án đều cần có tính sáng tạo, vì thế chúng ta thường coi việc quản lý dự án là quản lý sáng tạo.

#### *b. Nội dung quản lý dự án*

Quản lý dự án là việc giám sát, chỉ đạo, điều phối, tổ chức, lên kế hoạch đối với 4 giai đoạn của vòng đời dự án trong khi thực hiện dự án (giai

đoạn hình thành, giai đoạn phát triển, giai đoạn trưởng thành và giai đoạn kết thúc). Mục đích của nó là từ góc độ quản lý và tổ chức, áp dụng các biện pháp nhằm đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu dự án như mục tiêu về giá thành, mục tiêu thời gian, mục tiêu chất lượng. Vì thế, làm tốt công tác quản lý là một việc có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

❖ Quản lý phạm vi dự án

Tiến hành không chế quá trình quản lý đối với nội dung công việc của dự án nhằm thực hiện mục tiêu dự án. Nó bao gồm việc phân chia phạm vi, quy hoạch phạm vi, điều chỉnh phạm vi dự án ...

❖ Quản lý thời gian dự án

Quản lý thời gian dự án là quá trình quản lý mang tính hệ thống nhằm đảm bảo chắc chắn hoàn thành dự án theo đúng thời gian đề ra. Nó bao gồm các công việc như xác định hoạt động cụ thể, sắp xếp trình tự hoạt động, bố trí thời gian, khống chế thời gian và tiến độ dự án.

❖ Quản lý chi phí dự án

Quản lý chi phí dự án là quá trình quản lý chi phí, giá thành dự án nhằm đảm bảo hoàn thành dự án mà chi phí không vượt quá mức trù bị ban đầu. Nó bao gồm việc bố trí nguồn lực, dự tính giá thành và khống chế chi phí.

❖ Quản lý chất lượng dự án

Quản lý chất lượng dự án là quá trình quản lý có hệ thống việc thực hiện dự án nhằm đảm bảo đáp ứng được yêu cầu về chất lượng mà khách hàng đặt ra. Nó bao gồm việc quy hoạch chất lượng, khống chế chất lượng và đảm bảo chất lượng...

❖ Quản lý nguồn nhân lực

Quản lý nguồn nhân lực là phương pháp quản lý mang tính hệ thống nhằm đảm bảo phát huy hết năng lực, tính tích cực, sáng tạo của mỗi người trong dự án và tận dụng nó một cách có hiệu quả nhất. Nó bao gồm các việc

như quy hoạch tổ chức, xây dựng đội ngũ, tuyển chọn nhân viên và xây dựng các ban quản lý dự án.

❖ Quản lý việc trao đổi thông tin dự án

Quản lý việc trao đổi thông tin dự án là biện pháp quản lý mang tính hệ thống nhằm đảm bảo việc truyền đạt, thu thập, trao đổi một cách hợp lý các tin tức cần thiết cho việc thực hiện dự án cũng như việc truyền đạt thông tin, báo cáo tiến độ dự án.

❖ Quản lý rủi ro trong dự án

Khi thực hiện dự án sẽ gặp phải những nhân tố rủi ro mà chúng ta không lường trước được. Quản lý rủi ro là biện pháp quản lý mang tính hệ thống nhằm tận dụng tối đa những nhân tố có lợi không xác định và giảm thiểu tối đa những nhân tố bất lợi không xác định cho dự án. Nó bao gồm việc nhận biết, phân biệt rủi ro, cân nhắc, tính toán rủi ro, xây dựng đối sách và không chế rủi ro.

❖ Quản lý việc giao nhận dự án

Đây là một nội dung quản lý dự án mới mà Hiệp hội các nhà quản lý dự án trên thế giới đưa ra dựa vào tình hình phát triển của quản lý dự án. Một số dự án tương đối độc lập nên sau khi thực hiện hoàn thành dự án, hợp đồng cũng kết thúc cùng với sự chuyển giao kết quả. Nhưng một số dự án lại khác, sau khi dự án hoàn thành thì khách hàng lập tức sử dụng kết quả dự án này vào việc vận hành sản xuất. Dự án vừa bước vào giai đoạn đầu vận hành sản xuất nên khách hàng (người tiếp nhận dự án) có thể thiếu nhân tài quản lý kinh doanh hoặc chưa nắm vững được tính năng, kỹ thuật của dự án. Vì thế cần có sự giúp đỡ của đơn vị thi công dự án giúp đơn vị tiếp nhận dự án giải quyết vấn đề này, từ đó mà xuất hiện khâu quản lý việc giao nhận dự án. Quản lý việc giao - nhận dự án cần có sự tham gia của đơn vị thi công dự án và đơn vị tiếp nhận dự án, tức là cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa hai bên giao và nhận, như vậy mới tránh được tình trạng dự án tốt nhưng hiệu quả

kém, đầu tư cao nhưng lợi nhuận thấp. Trong rất nhiều dự án đầu tư quốc tế đã gặp phải trường hợp này, do đó quản lý việc giao - nhận dự án là vô cùng quan trọng và phải coi đó là một nội dung chính trong việc quản lý dự án.

*c. Ý nghĩa của quản lý dự án*

Thông qua quản lý dự án có thể tránh được những sai sót trong những công trình lớn, phức tạp. Áp dụng phương pháp quản lý dự án sẽ có thể không chế, điều tiết hệ thống mục tiêu dự án. Quản lý dự án thúc đẩy sự trưởng thành nhanh chóng của các nhân tài chuyên ngành.

Tóm lại: Quản lý dự án ngày càng trở nên quan trọng và có nghĩa trong đời sống kinh tế. Trong xã hội hiện đại, nếu không nắm vững phương pháp quản lý dự án sẽ gây ra những tổn thất lớn. Để tránh được những tổn thất này và giành được những thành công trong việc quản lý dự án thì trước khi thực hiện dự án, chúng ta phải lên kế hoạch một cách tỉ mỉ, chu đáo.

## **1.2. Khái niệm về quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện**

### ***1.2.1 Khái niệm quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện***

Quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện là quá trình kết hợp các hoạt động độc lập: kế hoạch tài chính, kế toán, kiểm soát, chi tiêu, mua sắm... của dự án nhằm quản lý các nguồn lực một cách có hiệu quả nhất. Qua đó, đảm bảo thực hiện các mục tiêu phát triển của dự án.

Quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện là nhân tố quan trọng đối với sự thành bại của dự án. Các thông tin tài chính phù hợp và kịp thời về hoạt động của các dự án là cơ sở cho các quyết định tài chính đúng đắn, góp phần đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, đảm bảo nguồn vốn dự án đầy đủ, giảm thiểu các yếu tố cản trở sự vận hành của dự án.

### ***1.2.2 Mục tiêu quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện***

+ Quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện nhằm khẳng định tiềm lực tài chính cho việc thực hiện dự án.



+ Phân tích được những kết quả hạch toán kinh tế của dự án để xác định quy mô đầu tư, cơ cấu các loại nguồn vốn tài trợ cho dự án, tính toán thu chi lỗ lãi, những lợi ích thiết thực mang lại cho nhà đầu tư.

+ Tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa chi phí được coi là mục tiêu quan trọng nhất trong các dự án. Tuy nhiên, đảm bảo mục tiêu này đòi hỏi phải đảm bảo tính chắc chắn của các chỉ tiêu lợi nhuận thu được theo dự kiến của dự án đầu tư qua nhiều năm. Yêu cầu này trong thực tế gặp nhiều khó khăn khi thực hiện, thị trường luôn luôn biến động và việc dự báo chính xác về lợi nhuận cho nhiều năm sau rất khó khăn.

+ Đạt được mức thoả mãn về hiệu quả tài chính của dự án.

+ Duy trì sự tồn tại của dự án trong tình hình cạnh tranh của thị trường. Bên cạnh mục tiêu lợi nhuận cực đại trong thực tế còn có mục tiêu tồn tại lâu dài và an toàn cho dự án đầu tư. Các nhà quản lý tài chính vừa đảm bảo về lợi nhuận, vừa đảm bảo sự tồn tại lâu dài và an toàn cho dự án.

### **1.3 Quy trình quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện**

#### ***1.3.1 Quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.***

Đây là giai đoạn phức tạp nhất của một dự án, bao gồm các bước sau:

- Thành lập nhóm dự án, xác định cấu trúc tổ chức của dự án
- Lập kế hoạch tổng quan
- Lập tổng mức đầu tư xây dựng công trình, dự án
- Phân tích hiệu quả và tính khả thi của dự án
- Thẩm định tổng mức đầu tư
- Điều chỉnh tổng mức đầu tư (nếu có)

Tổng mức đầu tư điều chỉnh không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt và không làm thay đổi quy mô, mục tiêu của dự án thì CĐT tự quyết định và chịu trách nhiệm về việc phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh.

- Tổ chức và thẩm tra lại trong trường hợp tổng mức đầu tư điều chỉnh lớn hơn tổng mức đầu tư phê duyệt.

- Xin phê chuẩn thực hiện.

Hầu hết các công việc trên CĐT đều thuê tư vấn độc lập, nhưng do tính chất quan trọng của giai đoạn này đối với toàn bộ dự án đầu tư nên CĐT luôn luôn quản lý sát sao công tác lập dự án của đơn vị tư vấn, bên cạnh đó phải quản lý chi phí trong giai đoạn này vì nếu dự án khả thi thì chi phí đó được tính vào tổng vốn đầu tư còn dự án không khả thi thì chi phí này CĐT phải chịu.

### ***1.3.2 Quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện giai đoạn thực hiện đầu tư xây dựng.***

Giai đoạn thực hiện đầu tư xây dựng được tính từ khi dự án được phê duyệt, tiến hành thi công xây dựng cho đến khi hoàn thành dự án, nghiệm thu và đưa vào vận hành, khai thác. Đây là giai đoạn hết sức quan trọng, chiếm phần lớn chi phí của dự án. Do đó, việc quản lý chi phí này hết sức cần thiết, giúp cho CĐT kiểm soát được các hoạt động chi phí của dự án, điều tiết vốn cho dự án một cách hiệu quả đồng thời có sự điều chỉnh dự án một cách hợp lý. 85-95% vốn đầu tư được chia ra và huy động trong suốt những năm thực hiện đầu tư. Đây là những năm vốn không sinh lời, thời hạn thực hiện đầu tư càng kéo dài, vốn ứ đọng càng nhiều, tổn thất càng lớn. Thời gian thực hiện đầu tư phụ thuộc nhiều vào công tác chuẩn bị đầu tư, quản lý quá trình thực hiện những hoạt động khác có liên quan trực tiếp đến các kết quả của quá trình thực hiện đầu tư đã được xem xét trong dự án đầu tư. Trong giai đoạn này, công tác quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện được thực hiện theo trình tự:

- Điều hành quản lý chung dự án
- Tư vấn, tuyển chọn nhà thầu thiết kế và các nhà tư vấn phụ
- Quản lý các hợp đồng tư vấn (soạn thảo hợp đồng, phương thức thanh toán)
- Triển khai công tác thiết kế và các thủ tục xin phê duyệt Quy hoạch
- Xác định dự toán, tổng dự toán công trình
- Thẩm định dự toán, tổng dự toán

- Lập hồ sơ mời thầu và hồ sơ đấu thầu
- Quản lý và kiểm soát chi phí dự án (tổng mức đầu tư, dự toán, tạm ứng, thanh toán vốn)
- Quản lý các hợp đồng (soạn thảo hợp đồng, phương thức thanh toán)

### ***1.3.3 Quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện giai đoạn kết thúc đầu tư xây dựng.***

Sau khi nhà máy được thi công xong theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật, CĐT thực hiện công tác bàn giao nhà máy cho cơ quan quản lý, sử dụng thực hiện khai thác, vận hành công trình với hiệu quả cao nhất. Chủ dự án phải tổ chức lập hồ sơ, trình báo cáo quyết toán và thực hiện công tác thanh tra kế toán, kiểm toán công tác quyết toán vốn, quyết toán ngân sách dự án hoàn thành. Báo cáo quyết toán ngân sách phải lập đúng, phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu theo mẫu, phải lập đúng kỳ hạn, nộp đúng thời hạn tới cơ quan tài chính và cơ quan thống kê, Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để phối hợp kiểm tra, đối chiếu, điều chỉnh số liệu kế toán liên quan đến thu, chi ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ chuyên môn của nhân viên.

Trong giai đoạn này, trình tự thủ tục hành chính của công tác quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện như sau:

***\* Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành sau khi ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng:***

Biểu mẫu báo cáo được lập theo quy định của Bộ tài chính. Hồ sơ trình duyệt quyết toán đối với dự án, công trình, hạng mục công trình hoàn thành bao gồm:

- + Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản gốc)
- + Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định (bản gốc)
- + Các văn bản pháp lý có liên quan (bản gốc hoặc bản sao)
- + Các hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý hợp đồng giữa CĐT với các nhà thầu thực hiện dự án (bản gốc hoặc bản sao)

+ Các biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng công trình, nghiệm thu lắp đặt thiết bị; Biên bản nghiệm thu hoàn thành dự án, công trình hoặc hạng mục công trình để đưa vào sử dụng (bản gốc hoặc bản sao)

+ Toàn bộ các quyết toán khối lượng A+B (bản gốc)

+ Báo cáo kết quả kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành kèm theo văn bản của CĐT về kết quả kiểm toán: nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất, kiến nghị.

+ Căn cứ báo cáo kết quả kiểm toán, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xem xét, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

**\* Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được gửi cho các đơn vị:**

+ Chủ đầu tư

+ Cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán

+ Bộ Tài chính (đối với dự án đầu tư bằng nguồn Ngân sách Nhà nước)

## **1.4 Nội dung quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện**

### **1.4.1 Quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện**

Quản lý chi phí dự án là quá trình quản lý tổng mức đầu tư, tổng dự toán, quản lý định mức dự toán và đơn giá xây dựng, quản lý thanh toán chi phí đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện, hay nói cách khác, quản lý chi phí dự án là quản lý chi phí, giá thành dự án mà không vượt tổng mức đầu tư. Nó bao gồm việc bố trí nguồn lực, dự tính giá thành và khống chế chi phí.

Chi phí đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng công trình xây dựng. Chi phí đầu tư xây dựng được lập theo từng dự án cụ thể, phù hợp với giai đoạn đầu tư xây dựng, các bước thiết kế và các quy định của Nhà nước.

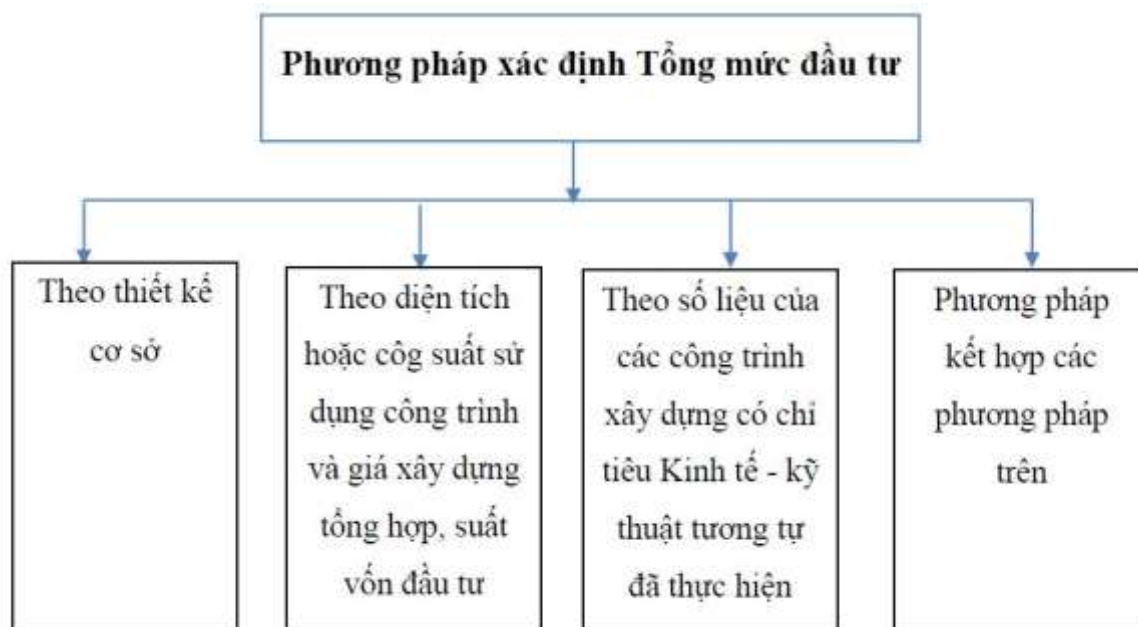
Việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải đảm bảo mục tiêu, hiệu quả đầu tư, đồng thời phải đảm bảo tính khả thi của dự án đầu tư xây dựng, đảm bảo tính đúng, tính đủ, hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu khách quan của cơ chế thị trường.

Khi lập dự án nhà máy nhiệt điện phải xác định tổng mức đầu tư để tính toán hiệu quả đầu tư và dự trù vốn. Chi phí dự án được thể hiện thông qua tổng mức đầu tư.

Tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện là toàn bộ chi phí để đầu tư xây dựng được ghi trong quyết định đầu tư và là cơ sở để CĐT lập kế hoạch và quản lý vốn khi thực hiện đầu tư xây dựng. Tổng mức đầu tư được tính toán và xác định trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng phù hợp với nội dung dự án và thiết kế cơ sở; đối với trường hợp chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổng mức đầu tư được xác định phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công.

Tổng mức đầu tư bao gồm: chi phí xây dựng nhà máy nhiệt điện; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác và chi phí dự phòng. Tổng mức đầu tư được xác định theo một trong các phương pháp sau đây:

**\* Phương pháp xác định Tổng mức đầu tư**



**Hình 1.1: Phương pháp xác định Tổng mức đầu tư**

## ***1.4.2 Quản lý định mức dự toán, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng nhà máy nhiệt điện***

### ***1.4.2.1 Quản lý định mức dự toán***

Quản lý định mức dự toán: bao gồm định mức kinh tế - kỹ thuật và định mức tỷ lệ. Quản lý định mức dự toán là việc quản lý, khống chế tiêu hao nguyên vật liệu các công việc xây dựng và là cơ sở dự trù lượng nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình thi công.

Đối với các định mức xây dựng chưa có trong hệ thống định mức xây dựng được công bố thì CĐT căn cứ theo yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công và phương pháp xây dựng định mức để tổ chức xây dựng các định mức đó hoặc vận dụng các định mức xây dựng tương tự đã sử dụng ở công trình khác để quyết định áp dụng.

CĐT quyết định việc áp dụng, vận dụng định mức xây dựng được công bố hoặc điều chỉnh để lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng.

Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hàng năm gửi những định mức xây dựng đã công bố trong năm về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý.

### ***1.4.2.2 Quản lý giá xây dựng***

CĐT căn cứ tính chất, điều kiện đặc thù của dự án, hệ thống định mức và phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình để xây dựng và quyết định áp dụng đơn giá của công trình làm cơ sở xác định dự toán, quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

CĐT xây dựng công trình được thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn chuyên môn có năng lực, kinh nghiệm thực hiện các công việc hoặc phân công việc liên quan tới việc lập đơn giá xây dựng công trình. Tổ chức, cá nhân tư vấn chịu trách nhiệm trước CĐT và pháp luật trong việc đảm bảo tính hợp lý, chính xác của các đơn giá xây dựng công trình do mình lập.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở xây dựng lập và công bố hệ thống đơn giá xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng, giá vật liệu,... để tham khảo trong quá trình xác định giá xây dựng công trình

### *1.4.2.3 Quản lý chỉ số giá xây dựng*

Chỉ số giá xây dựng là chỉ tiêu phản ánh mức độ và chiều hướng biến động (tăng hoặc giảm) của giá xây dựng công trình qua các thời kỳ. Về tổng quát, nó được biểu thị bằng tỷ số giữa giá xây dựng tại thời điểm so sánh và giá xây dựng tại thời điểm được chọn làm gốc. Chỉ số giá xây dựng phục thuộc vào loại công trình (công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi...) theo khu vực.

Chỉ số giá xây dựng gồm: chỉ số giá cho một nhóm hoặc một loại công trình xây dựng; chỉ số giá theo cơ cấu chi phí; chỉ số giá theo yếu tố vật liệu, nhân công, máy thi công. Chỉ số giá xây dựng là một trong các căn cứ để xác định tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng cơ bản, dự toán xây dựng công trình, giá gói thầu và giá thanh toán theo hợp đồng xây dựng.

Bộ Xây dựng công bố phương pháp xây dựng chỉ số giá xây dựng và định kỳ công bố chỉ số giá xây dựng để CĐT tham khảo áp dụng. CĐT, nhà thầu cũng có thể tham khảo áp dụng chỉ số giá xây dựng do các tổ chức tư vấn có năng lực, kinh nghiệm công bố. CĐT căn cứ xu hướng biến động giá và đặc thù công trình để quyết định chỉ số giá xây dựng cho phù hợp.

### ***1.4.3 Tổ chức thực hiện dự toán dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện***

Trong quá trình chi tiêu, các dự án đầu tư xây dựng phải tổ chức quản lý chặt chẽ, tôn trọng dự toán được duyệt, các chế độ, tiêu chuẩn xây dựng định mức chi tiêu do nhà nước quy định về vật tư, lao động, nguồn vốn. Sử dụng có hiệu quả, thực hiện đúng tiến độ công việc theo kế hoạch đã đặt ra ban đầu.

*a. Về nguồn thu: bao gồm:*

- Nguồn kinh phí cấp phát từ ngân sách nhà nước
- Nguồn thu từ hoạt động trong công ty cho dự án
- Các khoản thu từ nhận viện trợ, biếu tặng, các khoản thu khác không phải nộp ngân sách theo chế độ.

- Các nguồn thu khác như nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng, vốn huy động của cán bộ, nhân viên trong công ty; nguồn vốn liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

*b. Về nội dung chi:*

- Chi thường xuyên: gồm tất cả các khoản xảy ra thường xuyên, liên tục hàng năm và được sử dụng hết trong năm đó, không thể dùng lại trong năm sau của dự án.

- Chi đầu tư phát triển, gồm chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị; chi thực hiện dự án đầu tư khác theo quy định của Nhà nước.

- Chi trả vốn vay, vốn góp

- Các khoản chi khác.

Để đảm bảo các nội dung chi này, các khoản chi cho dự án đầu tư xây dựng cơ bản bao gồm 4 nhóm chi sau:

+ Nhóm 1: Chi cho con người (chi trả lương cho công nhân viên)

+ Nhóm 2: Chi quản lý hành chính và chi cho nghiệp vụ chuyên môn

+ Nhóm 3: Chi mua sắm, sửa chữa

+ Nhóm 4: Chi khác

*c. Quản lý vốn*

Vốn lưu động theo nghĩa rộng là giá trị của toàn bộ vốn lưu động, là những tài sản gắn liền với chu kỳ hoạt động dự án của công ty. Trong mỗi chu kỳ hoạt động dự án, chúng chuyển hoá qua tất cả các dạng tồn tại, và chủ yếu là tiền mặt của dự án. Với sự chuyển hoá nhanh như vậy, các hoạt động quản lý vốn lưu động chiếm gần như phần lớn thời gian và tâm trí của các nhà quản lý tài chính. Quản lý vốn lưu động duy trì quan hệ giữa từng bộ phận cấu thành cũng như tổng thể của vốn lưu động một cách hợp lý và tìm ra các nguồn vốn phù hợp để tài trợ cho vốn lưu động. Như vậy, quản lý vốn lưu động tác động trực tiếp lên trạng thái sinh lợi và rủi ro của các dự án. Vốn lưu



động bao gồm bốn thành phần chính: vốn tiền mặt, chứng khoán khả nhượng, các khoản phải thu, hàng tồn kho trong các dự án.

Vốn tiền mặt là tài sản mang hình thái tiền tệ của các dự án, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền khác. Mục tiêu của quản lý vốn tiền mặt là khống chế lượng vốn tiền mặt ở mức thấp nhất có thể trong trường hợp kinh doanh sản xuất của doanh nghiệp vận hành bình thường, đồng thời có được thu nhập lãi suất cao nhất có được từ phần vốn tiền mặt này.

#### ***1.4.4 Quyết toán dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện***

Trong các dự án phải tổ chức công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định. Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách phải lập đúng, phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu theo mẫu, phải lập đúng kỳ hạn, nộp đúng thời hạn tới cơ quan tài chính và cơ quan thống kê, Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để phối hợp kiểm tra, đối chiếu, điều chỉnh số liệu kế toán liên quan đến thu, chi ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ chuyên môn của nhân viên.

Quyết toán thu chi là công việc cuối cùng của chu trình quản lý tài chính. Đây là quá trình kiểm tra, tổng hợp số liệu về tình hình chấp hành dự toán trong kỳ và là cơ sở để phân tích, đánh giá kết quả chấp hành dự toán. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho các dự án tiếp theo. Để có thể tiến hành quyết toán thu chi, các đơn vị phải hoàn tất hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách.

Nội dung chương 1 trình bày cơ sở lý thuyết của toàn luận văn. Theo đó, những lý thuyết về quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện đã được hệ thống hóa một cách ngắn gọn và nhằm vào những nội dung chủ yếu. Luận văn cũng đề cập đến các khái niệm về dự án và quản lý dự án; Các khái niệm quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện và những nội dung quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện cũng được trình bày trong chương này.

Trên cơ sở lý thuyết đã được đề cập tại chương 1, luận văn sẽ tiến hành phân tích thực trạng quản lý tài chính một số dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện trong chương 2 và có phương hướng để đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý tài chính các dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện tại chương 3 của luận văn.

**Chương 2**  
**THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH MỘT SỐ DỰ ÁN**  
**XÂY DỰNG NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN**

**2.1. Khái quát tình hình một số dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện.**

**2.1.1. Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1**

- Dự án nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1 được phê duyệt đầu tư theo Quyết định số 736/QĐ-BCN ngày 28/3/2006 (viết tắt là Quyết định số 736/QĐ-BCN) và điều chỉnh tại Quyết định số 2833/QĐ-BCN ngày 13/10/2006 (viết tắt là Quyết định số 2833/QĐ-BCN) của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

- Chủ đầu tư dự án: Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - EVN).

- Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án nhiệt điện 2 (viết tắt là Ban QLDA), được giao làm nhiệm vụ đại diện Chủ đầu tư theo Quyết định số 109/QĐ-EVN-HĐQT ngày 30/01/2007 của EVN.

- Cơ quan lập Dự án: Công ty tư vấn xây dựng điện 3 (PECC3).

- Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở: Bộ Công Thương.

- Cơ quan phê duyệt dự án: Thủ tướng Chính phủ ủy quyền Bộ Công Thương phê duyệt.

- Mục đích đầu tư: Đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn điện theo quy hoạch được duyệt, góp phần đảm bảo cung cấp điện an toàn và kinh tế cho khu vực Bắc Trung bộ, giảm tổn thất công suất truyền tải trên hệ thống điện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội vùng nam Thanh Hóa – bắc Nghệ An và khu công nghiệp Nghi Sơn.

- Quy mô đầu tư: Dự án nhóm A, công suất 600 MW gồm 02 tổ máy 300MW (2x300MW), số giờ vận hành công suất đạt hàng năm 6.000 giờ, sản lượng điện sản xuất hàng năm khoảng 3,6 tỷ kWh. Sử dụng than cám 5 Hòn Gai – Cẩm Phả, dầu HFO để khởi động và đốt phụ trợ, công nghệ lò than phun, khử bụi tĩnh điện, khử lưu huỳnh, thời gian đưa vào vận hành 2010 –

2011. Tổng mặt bằng xây dựng của công trình được bố trí theo dây chuyền công nghệ của nhà máy, bảo đảm các yêu cầu về vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, giao thông nội bộ, phòng cháy chữa cháy bao gồm: khu nhà máy chính, khu lò hơi, khử tĩnh điện, khu bồn dầu, cảng than, hệ thống băng chuyền than, kho than, nhà hành chính quản trị, các công trình phụ trợ cùng hệ thống đường điện, nước và một phần mặt bằng khu vực ngoài nhà máy để bố trí kênh thải, bãi than mở rộng, đường giao thông.

- Tổng mức đầu tư (đã bao gồm chi phí một số hạng mục dùng chung cho Trung tâm điện lực Nghi Sơn) được phê duyệt theo Quyết định số 736/QĐ-BCN: 11.464.576 triệu đồng tương đương 723,3 triệu USD, tỷ giá 15.850 đồng/USD; điều chỉnh lần 1 tại Quyết định số 2833/QĐ-BCN: 11.744.844 triệu đồng tương đương 734,1 triệu USD, tỷ giá 15.850 đồng/USD và điều chỉnh lần 2 tại Quyết định số 2683/QĐ-BCT ngày 21/5/2010 của Bộ Công Thương (viết tắt là Quyết định số 2683/QĐ-BCT): 22.259.929 triệu đồng tương đương 1.200 triệu USD, tỷ giá 18.544 đồng/USD.

- Tổng dự toán được phê duyệt tại Quyết định số 1098/QĐ-EVN-HĐQT ngày 19/12/2007 của EVN với tổng giá trị: 11.663.074 triệu đồng (tương đương 725,1 triệu USD).

- Tiến độ triển khai, thực hiện Dự án theo kế hoạch: hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành thương mại vào cuối năm 2010.

Tiến độ triển khai, thực hiện Dự án theo thực tế: Ngày khởi công Dự án 03/7/2010; ngày hoàn thành Dự án theo hợp đồng đã ký kết 22/02/2014; dự kiến Dự án hoàn thành tháng 12/2014.

### **2.1.2. Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1**

#### ***Dự án nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1***

- Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1 (viết tắt là Dự án Duyên Hải 1) được phê duyệt theo Quyết định số 508/QĐ-EVN ngày ngày 28/8/2008 và điều chỉnh tại Quyết định số 333/QĐ-EVN ngày 29/06/2009 của Hội đồng quản trị Điện lực Việt Nam (Viết tắt là EVN);

- Chủ đầu tư dự án: EVN làm Chủ đầu tư từ khi triển khai đến ngày 26/04/2013. Thực hiện Quyết định số 3023/QĐ-BCT ngày 01/06/2012 của Bộ Công Thương, EVN bàn giao cho GENCO1 (Viết tắt là GENCO1) tiếp tục làm Chủ đầu tư từ ngày 26/04/2013 đến khi công trình được đưa vào vận hành phát điện thương mại;

- Đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý dự án Nhiệt điện 3 (Viết tắt là Ban QLDA);

- Mục tiêu đầu tư: Cung cấp điện cho hệ thống điện miền Nam và hệ thống điện Quốc gia, góp phần đảm bảo an toàn cung cấp điện cho hệ thống, đáp ứng được chương trình phát triển nguồn điện trong Quy hoạch phát triển điện Quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025;

- Quy mô đầu tư: Dự án nhóm A, Công suất 1.200 MW, bao gồm 02 tổ máy (mỗi tổ 600 MW), sản lượng điện sản xuất thương phẩm hàng năm khoảng 7,8 tỷ kWh. Tổng mặt bằng xây dựng của công trình được bố trí theo dây chuyền công nghệ của nhà máy, bảo đảm các yêu cầu về vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, giao thông nội bộ, phòng cháy chữa cháy bao gồm: khu nhà máy chính, khu lò hơi, khử tĩnh điện, khu bồn dầu, hệ thống băng chuyền than, kho than, nhà hành chính quản trị, các công trình phụ trợ và một phần mặt bằng khu vực ngoài nhà máy để bố trí kênh thải, bãi xỉ, đường giao thông;

- Tổng mức đầu tư Dự án được phê duyệt lần đầu tại Quyết định số 508/QĐ-EVN ngày 28/08/2008 giá trị 18.981.113 triệu đồng, điều chỉnh lần đầu tại Quyết định số 333/QĐ-EVN ngày 29/06/2009 giá trị 19.981.113,6 triệu đồng và điều chỉnh lần hai tại Quyết định số 145/QĐ-EVN ngày 25/03/2010 giá trị 29.245.781 triệu đồng.

- Tiến độ triển khai, thực hiện Dự án:

+ Tiến độ theo dự án được duyệt: Đưa tổ máy số 1 vào vận hành tháng 9 năm 2013, tổ máy số 2 tháng 3 năm 2014;

+ Tiến độ theo hợp đồng EPC: ngày hoàn thành đưa vào vận hành thương mại tổ máy số 1 ngày 26/7/2015, tổ máy số 2 ngày 26/9/2015;

+ Tiến độ triển khai, thực hiện dự án theo thực tế: Khởi công ngày 19/9/2010, tổ máy số 1 hoàn thành phát điện thương mại ngày 04/01/2016, tổ máy số 2 ngày 18/01/2016.

### ***Dự án Trung tâm điện lực Duyên Hải***

- Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Duyên Hải (viết tắt: Dự án Cơ sở hạ tầng) được phê duyệt đầu tư theo Quyết định số 142/QĐ-EVN ngày 16/02/2009 điều chỉnh lần đầu tại Quyết định số 582/QĐ-EVN ngày 28/5/2009 và điều chỉnh lần 2 tại Quyết định số 580/QĐ-EVN ngày 09/07/2013 của EVN;

- Chủ đầu tư dự án: EVN làm Chủ đầu tư từ khi triển khai đến ngày 26/4/2013. Thực hiện Quyết định số 3023/QĐ-BCT ngày 01/6/2012 của Bộ Công Thương, EVN bàn giao cho GENCO1 (Viết tắt là GENCO1) tiếp tục làm Chủ đầu tư từ ngày 26/4/2013 đến khi công trình hoàn thành;

- Đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý dự án Nhiệt điện 3;

- Mục tiêu đầu tư: Chuẩn bị mặt bằng xây dựng và xây dựng các hạng mục cơ sở hạ tầng cần thiết phục vụ công tác quản lý, thi công và vận hành các nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1, 2, 3, 3 mở rộng và Cảng than trong Trung tâm điện lực Duyên Hải;

- Quy mô đầu tư: Công trình cấp đặc biệt đối với hạng mục san gạt mặt bằng và cấp III đối với các hạng mục: Điện thi công; Hệ thống cấp nước thô (nước vận hành); Tuyến ống dẫn nước thô; Hạng mục đường giao thông; Nhà điều hành Ban QLDA; Nhà ở chung cư... .

- Tổng mức đầu tư Dự án được phê duyệt lần đầu theo Quyết định số 142/QĐ-EVN ngày 16/02/2009 của EVN số tiền 3.469.958 triệu đồng, điều chỉnh lần 2 tại Quyết định số 580/QĐ-EVN ngày 09/07/2013 của EVN số tiền 2.172.118 triệu đồng.

### ***2.1.3. Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1.***

Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 được phê duyệt theo Quyết định số 190/QĐ-EVN-HĐQT, ngày 28/02/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) được giao làm chủ đầu tư Dự án theo Quyết định số 190/QĐ-EVN ngày 28/02/2007 của Hội đồng quản trị EVN. Tuy nhiên, đến năm 2012 EVN thực hiện chuyển giao cho Tổng Công ty Phát điện 3 (viết tắt là Genco3) tiếp tục làm Chủ đầu tư Dự án đến khi công trình được đưa vào vận hành phát điện thương mại theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01/6/2012 của Bộ Công Thương.

Ban quản lý dự án Nhiệt điện 1 được thành lập theo Quyết định số 19/QĐ-EVN-HĐQT ngày 15/01/2003 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn điện lực Việt Nam) được giao là đại diện của chủ đầu tư theo Công văn số 275/CV-EVN-KH ngày 29/01/2004 của Tổng công ty điện lực Việt Nam. Đến năm 2013, Ban quản lý dự án nhiệt điện 1 được bàn giao về Tổng công ty Phát điện 3 theo Văn bản số 1317/EVN-TC&NS ngày 12/4/2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc EVNGENCO 1,2,3. Tổng công ty Phát điện 3 đã ban hành Quyết định 1181/QĐ-GENCO3 ngày 17/4/2013 về việc thành lập Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên – Tổng công ty Phát điện 3 – Ban quản lý dự án nhiệt điện 1, tiếp tục theo dõi quản lý Dự án.

Dự án thuộc nhóm A, với 02 tổ máy với công suất Nhà máy 1.000MW, ngoài ra Dự án còn thực hiện một số hạng mục dùng chung cho toàn bộ Trung tâm điện lực Mông Dương với quy mô công suất khoảng 2000-2200 MW.

- Tổng mức đầu tư của Dự án được phê duyệt lần đầu theo Quyết định số 190/QĐ-EVN-HĐQT ngày 28/02/2007 của Tập đoàn EVN với số tiền 17.592.977.232.168 đồng, tương đương 1.099.561.077 USD.

- Dự án được phê duyệt điều chỉnh bổ sung Tổng mức đầu tư lần 03 theo Quyết định số 210/QĐ-EVN, ngày 6/11/2015 của Tập đoàn EVN với giá trị là: 37.403.765.727.228 đồng, tương đương 1.769.976.215 USD.

- Tiến độ theo dự án được duyệt (Quyết định số 190/QĐ-EVN-HĐQT):  
Đưa tổ máy số 1 vào vận hành tháng 9 năm 2011, tổ máy số 2 vận hành tháng 3 năm 2012;

- Tiến độ theo hợp đồng EPC: ngày hoàn thành đưa vào vận hành thương mại tổ máy số 1 tháng 4/2015, tổ máy số 2 tháng 10/2015;

- Tiến độ triển khai, thực hiện dự án theo thực tế: Khởi công tháng 9/2010, tổ máy số 1 hoàn thành phát điện thương mại ngày 10/10/2015, tổ máy số 2 ngày 03/12/2015.

## **2.2. Công tác quản lý tài chính trong xây dựng các nhà máy nhiệt điện do Tập đoàn điện lực Việt Nam đầu tư**

### **2.2.1 Quản lý nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn:**

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: gồm 85% vốn vay thương mại trong và ngoài nước (nguồn vay tín dụng nước ngoài thường được Chính phủ bảo lãnh) và 15% vốn tự có của Chủ đầu tư; Tập đoàn EVN phối hợp với Bộ Tài chính đàm phán với ngân hàng đã được lựa chọn để cung cấp vốn vay nước ngoài cho dự án.

- Quy chế quản lý tài chính sử dụng vốn:

+ Công tác lập kế hoạch vốn hàng năm để thực hiện dự án do Ban quản lý dự án lập trình cơ quan cấp trên thẩm định phê duyệt;

+ Vốn vay nước ngoài: Tập đoàn EVN quản lý tài chính, là đầu mối thẩm tra, thẩm định và thông báo, cấp phát vốn cho Ban QLDA sử dụng;

+ Vốn trong nước: Các Tổng Công ty Phát điện quản lý tài chính, là đầu mối thẩm tra, thẩm định và thông báo, cấp phát vốn cho Ban QLDA sử dụng.

- Quy trình giải ngân, thanh toán, tạm ứng vốn:

+ Đối với các gói thầu dùng vốn vay thương mại trong nước: Ban QLDA, Tư vấn, Nhà thầu được giao thực hiện sau khi ký xác nhận xong hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ thanh toán làm cơ sở để Ban QLDA gửi đề nghị thanh toán cho Nhà thầu (kèm 01 bộ hồ sơ thanh toán của Nhà thầu) tới Ngân hàng cho



vay để kiểm tra, kiểm soát. Sau khi đồng ý, Ngân hàng làm thủ tục giải ngân cho nhà thầu từ nguồn tiền vay.

+ Đối với các gói thầu dùng vốn vay nước ngoài: Thanh toán bằng 2 phương pháp sau:

++ Thanh toán bằng phương pháp trực tiếp: Ban QLDA, Tư vấn, Nhà thầu sau khi ký xong hồ sơ thanh toán (theo quy định hợp đồng), gửi cho một đơn vị được chủ đầu tư thuê kiểm soát chi để kiểm tra. Sau khi được đơn vị kiểm soát chi chấp thuận, Ban QLDA trình Tập đoàn EVN, Tập đoàn EVN kiểm tra phát hành đơn rút vốn gửi Bộ Tài chính. Sau khi được Bộ Tài chính phê duyệt, ký đơn rút vốn. Hồ sơ được chuyển kèm cùng với Hồ sơ thanh toán sang Bên cho vay và được Bên cho vay để chuyển trả trực tiếp cho nhà thầu từ nguồn tiền vay nước ngoài

++ Thanh toán bằng L/C: Nhà thầu gửi hồ sơ thanh toán (toàn bộ chứng từ theo yêu cầu trong L/C) đã được kiểm tra, ngân hàng cho vay thanh toán cho Nhà thầu sau đó ngân hàng thông báo khoản giải ngân này cho EVN

+ Đối với các gói thầu và chi phí khác dùng vốn tự có: Sau khi Ban QLDA/Nhà thầu ký xong thủ tục thanh toán, Ban QLDA gửi văn bản cho Tổng Công ty Phát điện xin cấp vốn, sau khi cấp vốn về Ban QLDA trả cho nhà thầu

+ Tạm ứng vốn: Ban QLDA tạm ứng vốn theo điều khoản của hợp đồng ký với Nhà thầu.

### **2.2.2 Quản lý chi phí xây lắp, thiết bị và chi phí khác**

\* Quản lý Tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư được lập trên cơ sở thiết kế cơ sở được phê duyệt, trong đó tư vấn thiết kế đã đưa ra hai phương án lựa chọn công nghệ và trình chủ đầu tư lựa chọn công nghệ tối ưu nhất đảm bảo về các mặt: môi trường, sử dụng các nguồn nhiên liệu phù hợp, chi phí đầu tư tiết kiệm nhất (chi phí mua sắm thiết bị và chi phí vận hành sau này). Chi phí mua sắm thiết bị của các nhà máy được tham khảo giá của các nhà cung cấp đảm bảo về tính hiện đại đồng bộ và được sản xuất tại các nước có công nghệ tiên tiến xuất khẩu công nghệ nhà máy nhiệt điện. Chi phí xây lắp trong tổng

mức đầu tư được lập trên thiết kế cơ sở, các định mức của Bộ Xây dựng, định mức chuyên ngành điện do Bộ Công thương ban hành, giá vật liệu phù hợp với giá thị trường tại thời điểm lập đảm bảo tính tiết kiệm. Chi phí tư vấn và các chi phí khác trong tổng mức đầu tư được lập với tỷ lệ % trên chi phí xây lắp và chi phí thiết bị được Bộ Xây dựng ban hành. Tổng mức đầu tư sau khi được lập đã được đơn vị tư vấn thẩm tra, chủ đầu tư phê duyệt làm cơ sở cho việc quản lý chi phí của dự án.

\* Quản lý dự toán: Dự toán chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí tư vấn và chi phí khác được lập trên thiết kế kỹ thuật phù hợp với thiết kế cơ sở đã được phê duyệt.

- Dự toán chi phí các gói thầu xây lắp được lập trên cơ sở: Khối lượng bóc tách chi tiết từ bản vẽ thiết kế kỹ thuật; đơn giá được xây dựng dựa trên cơ sở định mức của Bộ Xây dựng, định mức chuyên ngành điện do Bộ Công thương ban hành; giá nhiên liệu, vật liệu, nhân công áp dụng trên cơ sở giá cả thị trường tại thời điểm và địa điểm xây dựng nhà máy Nhiệt điện.

- Dự toán chi phí thiết bị được lập trên dây truyền thiết bị công nghệ đã được lựa chọn, thiết kế kỹ thuật dây chuyền công nghệ, chủng loại thiết bị và giá thiết bị theo thông báo giá của nhà cung cấp; các chi phí đào tạo, chuyển giao công nghệ được lập đầy đủ có sự tham khảo của các nhà máy đã thực hiện.

- Dự toán chi phí tư vấn và chi phí khác được lập trên tỷ lệ định mức chi phí xây lắp, thiết bị do Bộ Xây dựng ban hành.

Dự toán sau khi được lập đã được chủ đầu tư tổ chức thẩm định phê duyệt làm căn cứ xây dựng giá gói thầu, quản lý chi phí khi thực hiện trong giai đoạn sau.

\* Quản lý công tác lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo các trình tự: Ban QLDA thuê Tư vấn lập HSMT, Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, thành lập tổ chuyên gia hoặc thuê Tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định báo cáo đánh giá HSDT, quyết định trúng thầu. Các gói thầu được tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước và quốc tế, lựa chọn nhà thầu đáp

ứng được tiêu chí về năng lực, chi phí thực hiện gói thầu có tỷ lệ giảm giá cao nhất đảm bảo hoàn thành gói thầu, phân việc đảm nhận.

- Công tác thương thảo ký kết hợp đồng: Ban QLDA, nhà thầu trên cơ sở quyết định trúng thầu và yêu cầu kỹ thuật của dự án đàm phán về giá trị gói thầu, phương thức thanh toán, điều khoản điều chỉnh giá gói thầu, điều khoản về cung cấp vật tư, thiết bị ...

\* Quản lý chi phí trong giai đoạn thực hiện các hợp đồng: Công tác thực hiện các hợp đồng xây lắp, thiết bị, Chủ đầu tư, Ban QLDA thuê các đơn vị tư vấn giám sát, giám sát thực hiện các gói thầu về khối lượng, chất lượng xây lắp và tiến độ theo quy định tại các hợp đồng; chủ đầu tư, tư vấn giám sát, nhà thầu cùng tiến hành nghiệm thu các hạng mục xây lắp hoàn thành theo quy định hợp đồng để làm cơ sở lập hồ sơ thanh toán trên cơ sở các phần việc được nghiệm thu.

- Công tác thanh quyết toán các gói thầu xây lắp, thiết bị và các chi phí khác: Trên cơ sở các hồ sơ nghiệm thu xây dựng, lắp đặt thiết bị, nhà thầu lập hồ sơ thanh toán gửi Ban quản lý dự án kiểm tra và tiến hành các thủ tục thanh toán cho nhà thầu theo cơ chế quản lý tài chính như đã nêu tại mục *“Quy trình giải ngân, thanh toán, tạm ứng vốn”*.

### **2.2.3 Quản lý công nợ: Chủ yếu trên hai khoản là nợ phải thu, nợ phải trả**

- Ban quản lý dự án tổ chức phòng Tài chính kế toán để đảm nhiệm công tác thanh toán, quản lý công nợ của dự án. Công tác hạch toán theo dõi các khoản công nợ được thực hiện trên chế độ kế toán chủ đầu tư do Bộ tài chính ban hành.

- Quản lý nợ phải thu: Chủ yếu là dư tạm ứng tại các hợp đồng đang thực hiện dở dang; Phòng tài chính kế toán của Ban quản lý dự án theo dõi và thu hồi khoản này trên mỗi lần nghiệm thu thanh toán trên tỷ lệ thu hồi được quy định tại hợp đồng và hoàn thành công tác thu hồi khi giá trị hợp đồng được giải ngân thanh toán đến 80%. Ngoài ra có một số các khoản phạt chậm tiến độ hợp đồng của các nhà thầu, các khoản giảm giá trị hợp đồng khi thi công không đúng thiết kế.

- Nợ phải trả: Phòng Tài chính kế toán theo dõi Nợ phải trả các nhà thầu đó là các khoản chi phí đã được nghiệm thu đủ điều kiện thanh toán nhưng chủ đầu tư chưa trả theo tiến độ hợp đồng do vốn chưa được cấp đầy đủ; các khoản chi phí có hồ sơ chưa đủ điều kiện thanh toán.

### **2.3. Thực trạng quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng một số dự án nhà máy nhiệt điện qua góc nhìn của Kiểm toán nhà nước.**

#### **2.3.1 Quản lý nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn:**

Công tác quản lý nguồn vốn đầu tư thực hiện tại một số dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện về cơ bản tuân thủ theo quy định về quản lý đầu tư, quản lý tài chính do Nhà nước quy định. Qua công tác kiểm toán còn cho thấy một số tồn tại bất cập, cụ thể như sau:

##### **2.3.1.1 Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1**

- Dự án được sử dụng các nguồn vốn vay và một số nguồn vốn khác theo quy định để thanh toán và đáp ứng theo tiến độ thi công

- Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan thực hiện Dự án về cơ bản đã thực hiện việc theo dõi, quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho Dự án theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Số liệu về nguồn vốn đầu tư thực hiện đến 30/6/2014

*Đơn vị tính: đồng*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Vốn</b>
A	B	C
	<b>Tổng số:</b>	<b>18.084.663.976.206</b>
<b>1</b>	<b>Nguồn vốn vay ODA</b>	<b>15.619.016.925.611</b>
-	Nguồn vốn vay JICA	15.619.016.925.611
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn do EVN tự thu xếp</b>	<b>2.465.647.050.595</b>
-	Vốn vay	1.291.869.843.449
-	Nguồn vốn do EVN cân đối hàng năm	1.173.777.207.146

*(Nguồn: Báo cáo kiểm toán dự án nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1)*

- Một số tồn tại bất cập:

+ Hạch toán thiếu nguồn vốn vay phần phí dịch vụ và phí cam kết giá trị 88.452.040 đồng;

+ Hạch toán sai thời điểm (nhận nợ và thanh toán vào tháng 3; tháng 4 và tháng 6 nhưng đơn vị hạch toán vào tháng 7, tháng 8) giá trị 40.143.033.942 đồng;

+ Tổng hợp báo cáo thừa nguồn vốn 101.786.097.178 đồng;

+ Báo cáo thiếu nguồn vốn: EVN đã sử dụng nguồn vốn vay JBIC của Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi trả trước hạn để cấp cho Ban QLDA thực hiện Dự án giá trị 217.195.705.981 đồng;

+ Công tác huy động vốn: trong tổng số 15% nguồn vốn của EVN tự thu xếp cho Dự án (2.682.842 triệu đồng), vốn tự có của EVN chỉ đáp ứng 1.173.777 triệu đồng tương đương 6,4%. Số vốn còn lại EVN phải vay huy động 1.509.065 triệu đồng tương đương 8,6% làm tăng chi phí của dự án;

- Chủ đầu tư chưa thực hiện phân bổ chi phí các hạng mục dùng chung giữa nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 1 và Nghi Sơn 2 theo tỷ lệ quy định tại Quyết định 2683/QĐ-BCT số tiền 863.758 triệu đồng;

- Chủ đầu tư chưa thực hiện xác định doanh thu bán điện chạy thử và vật tư phế phẩm để bù trừ chi phí đầu tư, chạy thử theo quy định.

#### *2.3.1.2 Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1*

- Dự án Duyên Hải 1 được Chính phủ bảo lãnh cho khoản vay nước ngoài trị giá 1.083 triệu USD để thanh toán 85% giá trị hợp đồng EPC với thời hạn vay 14 năm 2 tháng theo cơ chế đặc biệt tại Công văn số 8388/VPCP- KTTH ngày 24/11/2011 của Văn phòng chính phủ: Bộ Tài chính không phải thẩm định khi bảo lãnh vay vốn nước ngoài. Thực hiện ý kiến trên, EVN đã có Công văn 4516/EVN-TCKT ngày 6/12/2011 đề nghị Bộ Tài chính làm thủ tục cấp bảo lãnh khoản vay nước ngoài với mức phí bảo hiểm tín dụng của Sinosure dự kiến 5% tính trên tổng nợ gốc và lãi phải trả. Căn cứ hồ sơ Dự án, Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng chính phủ một số điều kiện không đáp ứng yêu cầu bảo lãnh và khả năng trả nợ của Dự án tại Công văn số 12/BTC-QLN ngày 03/01/2012 với nội dung như sau:

+ Xét về điều kiện bảo lãnh của Dự án: EVN không đáp ứng được các yêu cầu về điều kiện bảo lãnh theo quy định, cụ thể: Dự án không có đủ 20% vốn đầu tư là vốn chủ sở hữu (chưa tuân thủ theo quy định tại Mục b, Khoản 2, Điều 34 của Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH); EVN bị lỗ năm 2010 (theo quy định tại Mục b, Khoản 2, Điều 34 của Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH); Hệ số nợ phải trả trên vốn điều lệ vượt quá 3 lần (Chưa tuân theo quy định tại Khoản 2, Điều 9, Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/2/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước);

+ Khả năng trả nợ của Dự án: Tại thời điểm xét điều kiện để được cấp bảo lãnh Chính phủ, nguồn vốn tự có của EVN không đủ trả nợ gốc và lãi vay đến hạn.

Mặc dù vậy Bộ Tài chính vẫn có kiến nghị với Chính phủ: Giao EVN chịu trách nhiệm về phương án tổ chức thực hiện Dự án, hiệu quả và khả năng trả nợ khoản vay nước ngoài để thực hiện Dự án; Phê duyệt nội dung Thư bảo lãnh và giao Bộ Tài chính thay mặt Chính phủ ký Thư bảo lãnh cho hợp đồng vay vốn nước ngoài của Dự án; Cho phép áp dụng mức phí bảo lãnh là 0,25%/năm là mức phí thấp nhất trong biểu phí bảo lãnh.

Sau khi xem xét đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 12/BTC-QLN ngày 03/01/2012, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có ý kiến như sau: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về hiệu quả, khả năng trả nợ khoản vay ngân hàng nước ngoài để thực hiện Dự án; phê duyệt nội dung Thư bảo lãnh và giao Bộ Tài chính thay mặt Chính phủ ký Thư bảo lãnh cho hợp đồng tín dụng vay các ngân hàng nước ngoài để thực hiện Dự án; mức phí bảo lãnh 0,25%/năm tính trên dư nợ các khoản vay được bảo lãnh; giao Bộ Tư pháp cấp ý kiến pháp lý về bảo lãnh theo quy định của pháp luật cho chủ đầu tư để thực hiện.

- Số liệu về nguồn vốn đầu tư thực hiện đến 30/6/2016

*Đơn vị tính: đồng*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Vốn</b>
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>
	<b>Tổng số (I+II):</b>	<b>34.638.587.829.855</b>
<b>I</b>	<b>Dự án Duyên Hải 1</b>	<b>33.589.326.650.300</b>
1	Nguồn vốn đối ứng	6.169.678.650.138
2	Nguồn vốn vay	27.419.648.000.162
2.1	<i>Vay các tổ chức tín dụng nước ngoài</i>	20.793.420.363.782
2.2	<i>Vay trong nước</i>	6.626.227.636.380
<b>II</b>	<b>Dự án Cơ sở hạ tầng</b>	<b>1.049.261.179.555</b>
1	Nguồn vốn đối ứng	442.016.167.228
2	Nguồn vốn vay	607.245.012.327

*(Nguồn: Báo cáo kiểm toán dự án nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1)*

\* Dự án nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1

+ Ban QLDA hạch toán chưa đúng nguồn vốn Dự án và chưa giảm nguồn đối với một số khoản chi phí như đã nêu tại giải thích nguyên nhân chênh lệch nguồn vốn số tiền 61.915 triệu đồng: Hạch toán sai nguồn vốn của Dự án Duyên Hải 3 vào Dự án Duyên Hải 1 giá trị 43.601.661.930 đồng; Hạch toán sai phí cam kết trong giai đoạn vận hành vào chi phí giai đoạn đầu tư xây dựng giá trị 18.313.401.614 đồng

+ EVN, GENCO1 và Ban QLDA ghi nhận chi phí đầu tư và giải ngân (thanh toán, tạm ứng) là 35.302.734 triệu đồng vượt TMĐT điều chỉnh tại Quyết định số 145/QĐ-EVN ngày 25/3/2010 số tiền 6.056.953 triệu đồng (35.302.734 triệu đồng - 29.245.781 triệu đồng) là thực hiện chưa tuân thủ theo quy định tại Khoản a, Điểm 1, Điều 5, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ. Trong đó: EVN trực tiếp thực hiện thanh toán, giải ngân số tiền: 2.638.749 triệu đồng; GENCO1 trực tiếp thực hiện thanh toán, giải ngân phí vay lại (mức phí 0,2%/năm) số tiền: 86.359 triệu đồng; Ban QLDA giải ngân số tiền 509.406 triệu đồng. Tập đoàn EVN đã có công văn số 387/EVN-HĐTV ngày 01/6/2012 về việc bổ sung các chi phí liên

quan đến việc vay vốn nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1 với giá trị 123,6 triệu USD; trách nhiệm giải ngân, thanh toán ngoài TMĐT thuộc về EVN, GENCO1 và Ban QLDA.

+ Đến hết thời điểm giải ngân, Chủ đầu tư không rút hết giá trị khoản vay cam kết của 2 hợp đồng vay vốn nước ngoài số tiền 99,6 triệu USD làm lãng phí phí bảo hiểm tín dụng thanh toán 1 lần cho khoản vay 1.083 triệu USD với Ngân hàng Societe Generale số tiền 3,3 triệu USD mặc dù EVN đã có văn bản ngày 22/6/2016 gửi cho đơn vị Sinasure đề nghị giảm phí bảo hiểm. Đến thời điểm kiểm toán, đơn vị bảo hiểm Sinasure chưa có văn bản phúc đáp;

+ EVN chưa đề xuất, trình Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thống nhất về cơ chế cho vay lại đối với hợp đồng tín dụng của dự án trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và cơ chế quản lý tài chính của EVN theo quy định tại Công văn số 2818/BCT-TCNL ngày 02/4/2013 của Bộ Công Thương. Ngoài ra, phí cho vay lại được GENCO1 trả cho EVN đến ngày 30/6/2016 chưa được phê duyệt trong TMĐT số tiền 86.359 triệu đồng;

+ Tập đoàn EVN phê duyệt điều chỉnh TMĐT tại Quyết định số 145/QĐ-EVN là 29.245.781 triệu đồng, cơ cấu nguồn vốn bao gồm 85% vốn vay thương mại trong và ngoài nước, 15% vốn đối ứng của EVN. Thực tế tỷ lệ cơ cấu nguồn vốn không đảm bảo theo quy định: Vốn vay thương mại trong và ngoài nước 31.368.582 triệu đồng (vay thương mại trong nước 7.692.829 triệu đồng, vay thương mại nước ngoài 23.675.753 triệu đồng) bằng 93,56% (31.368.582 triệu đồng/33.527.411 triệu đồng) vượt cơ cấu nguồn vốn vay thương mại trong và ngoài nước (85%); Vốn đối ứng của EVN 2.158.829 triệu đồng bằng 6,43% (2.158.829 triệu đồng/33.527.411 triệu đồng) thấp hơn so với quy định (15%).

\* Dự án Cơ sở hạ tầng:

+ Qua kiểm toán cho thấy, Ban QLDA cơ bản đã quản lý, sử dụng nguồn vốn vay trong nước theo quy định. Tính đến 30/06/2016, nguồn vốn



thực hiện được xác nhận theo Báo cáo tài chính số tiền 1.049.261 triệu đồng, giá trị giải ngân 1.100.765 triệu đồng không vượt TMĐT được phê duyệt.

+ Tập đoàn EVN phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định số 580/QĐ-EVN số tiền 2.172.118 triệu đồng, cơ cấu nguồn vốn bao gồm 85% vốn vay thương mại, 15% vốn chủ sở hữu của EVN. Thực tế tỷ lệ cơ cấu nguồn vốn không đảm bảo theo quy định: Vốn đối ứng của EVN 2.158.829 triệu đồng bằng 6,43% (2.158.829 triệu đồng/33.527.411 triệu đồng) thấp hơn so với quy định (15%).

### 2.3.1.3 Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1

- Dự án “Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1” thuộc chương trình vay vốn thông thường (OCR) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt danh mục các dự án do Ngân hàng Phát triển Châu Á tài trợ thời kỳ 2007-2009 tại văn bản số 1633/TTg-QHQT ngày 12/10/2006;

- Quyết định số 190/QĐ-EVN-HĐQT phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 với Tổng mức đầu tư là 17.592.977.232.168 đ tương đương 1.099.561.077 USD, trong đó cơ cấu vốn đầu tư được phê duyệt là 85% vốn vay ADB và 15% vốn đối ứng của EVN. Nguồn vốn vay ADB được thu xếp đầy đủ tại các Hiệp định vay vốn đã ký với Ngân hàng Phát triển Châu Á;

- Quyết định 755/QĐ-EVN ngày 15/11/2010 của EVN phê duyệt điều chỉnh Tổng mức đầu tư lần 03 là 32.739.837.388.836đ tương đương 1.729.338.548 USD, cơ cấu vốn đầu tư được duyệt bao gồm 87,27% (vay ADB, vay thương mại còn thiếu gói 2 và 13% gói EPC), 12,73% vốn chủ sở hữu;

- Quyết định 210/QĐ-EVN ngày 06/11/2015 của EVN v/v phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 04 là 37.403.765.727.228 đồng tương đương 1.769.976.215 USD, cơ cấu vốn đầu tư được duyệt bao gồm 81,39% (vốn vay ADB và Keximbank), 17,69% vốn chủ sở hữu.

Một số tồn tại trong công tác thu xếp, bố trí vốn:

- Bố trí vốn chưa đúng cơ cấu (tỷ lệ) theo quyết định phê duyệt dự án (vốn vay nước ngoài 89,9% vượt quy định 8,51%; vốn đối ứng của EVN 7% thấp hơn quy định 10,69%) dẫn đến làm phát sinh các khoản vay, chi phí đi vay ngoài cơ cấu được duyệt theo tổng mức đầu tư với giá trị là 249.173 triệu đồng trong đó phần chi phí đi vay thuộc vốn chủ sở hữu là 218.605 triệu đồng;

- Dự án không đáp ứng được các điều kiện được bảo lãnh theo quy định của Luật quản lý nợ công số 29/2009/QH 12 do không bố trí đủ 20% vốn đầu tư là vốn chủ sở hữu theo quy định tại mục (b), khoản 2 Điều 34 của Luật quản lý nợ công số 29/2009/QH 12 và do Tập đoàn Điện lực bị lỗ năm 2010 theo quy định tại mục (b), khoản 2, Điều 34 của Luật quản lý nợ công số 29/2009/QH12. Tuy nhiên Thủ tướng Chính phủ phát hành công văn số 7337/VPCP-KTTH ngày 03/9/2013 v/v khoản lỗ năm 2010 của EVN là do thực hiện chính sách; công văn số 2154/TTg-KTTH ngày 9/12/2013 đồng ý miễn áp dụng điều kiện về vốn chủ sở hữu trong tổng vốn đầu tư của Dự án theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 34 Luật quản lý nợ công.

- Số liệu về nguồn vốn đầu tư thực hiện đến 30/6/2016

*Đơn vị tính: đồng*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Vốn</b>
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>
	<b>Tổng số (I+II):</b>	<b>31.263.827.821.847</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn vay</b>	<b>28.848.249.322.269</b>
1	Vay ADB	17.690.414.349.090
-	<i>Khoản vay ADB 1</i>	<i>374.385.849.803</i>
-	<i>Khoản vay ADB 2</i>	<i>17.316.028.499.287</i>
2	Vay Keximbank	10.415.540.770.923
3	Vay Liên Việt	143.294.202.256
4	Vay EVN	599.000.000.000
<b>II</b>	<b>Vốn đối ứng</b>	<b>2.415.578.499.578</b>
1	Nguồn vốn khấu hao	1.445.057.882.020
2	Nguồn vốn khác (tạm ứng vốn đầu tư)	970.520.617.558

*(Nguồn: Báo cáo kiểm toán dự án nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1)*

- EVN, Chủ đầu tư và Ban QLDA đã quản lý, sử dụng nguồn vốn vay tín dụng cơ bản theo quy định của các hợp đồng vay vốn ngân hàng trong và ngoài nước, thanh toán các khoản lãi, phí, nợ gốc kịp thời theo tiến độ thanh toán của hợp đồng. Tính đến 30/06/2016, nguồn vốn được xác nhận theo Báo cáo tài chính là 31.263.827,82 triệu đồng;

- Một số tồn tại bất cập:

+ Ban QLDA chưa kịp thời hạch toán và kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra tương ứng với chi phí nhiên liệu chạy thử nghiệm thu đã bàn giao cho nhà thầu Hyundai;

+ Hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh của nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 vào chi phí đầu tư của Dự án làm tăng chi phí đầu tư 10.783.962.753 đồng.

### **2.3.2 Quản lý chi phí đầu tư**

Công tác quản lý chi phí đầu tư thực hiện tại một số dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện về cơ bản tuân thủ theo quy định về quản lý đầu tư, quản lý tài chính do Nhà nước quy định. Qua công tác kiểm toán còn cho thấy một số tồn tại bất cập, cụ thể như sau:

#### **2.3.2.1 Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1**

- *Quản lý Tổng mức đầu tư:*

Tổng mức đầu tư của Dự án điều chỉnh tăng thêm 10.515.085 triệu đồng (từ 11.744.884 triệu đồng lên 22.259.929 triệu đồng) do một số nguyên nhân sau: Điều chỉnh, bổ sung thiết kế cơ sở để đảm bảo phù hợp với nhu cầu và quy mô đầu tư; thời gian chuẩn bị Dự án kéo dài từ năm 2004 đến tháng 7/2010 dẫn đến có nhiều biến động tăng về chính sách thuế VAT, giá nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị sử dụng cho Dự án; giá thiết bị của gói thầu EPC do nhà thầu Marubeni (viết tắt là MC) chào cao vì có xuất xứ từ những nước tiên tiến, G7 có chất lượng và niên hạn sử dụng cao hơn so với các loại thiết bị nhập khẩu từ các nước thứ 3 trên thế giới.

Bên cạnh đó, công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án còn một số tồn tại, đó là:

+ Dự án đầu tư điều chỉnh chưa được các đơn vị có chức năng thẩm định trước khi trình Bộ Công Thương phê duyệt là thực hiện không đúng quy định tại khoản 2, điều 13 và khoản 5, Điều 39, Nghị định 16/2005/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Bộ Công Thương phê duyệt Quyết định 2683/QĐ-BCT hiệu chỉnh TMĐT trước khi phê duyệt hiệu chỉnh quy hoạch và phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở là chưa đúng trình tự trong công tác xây dựng cơ bản, chưa phù hợp với quy định tại khoản 2, điều 13, Nghị định 16/2005/NĐ-CP và mục 2, khoản I, phần B, Thông tư 04/2005/TT-BXD ngày 01/4/2005 của Bộ Xây dựng về phương pháp lập TMĐT do ngày 28/5/2010 quy hoạch hiệu chỉnh mới được phê duyệt tại Quyết định 2843/QĐ-BCT và ngày 01/6/2010 thiết kế cơ sở hiệu chỉnh mới được phê duyệt tại Quyết định 534/QĐ-EVN;

+ Đến ngày 30/6/2014 tổng chi phí đầu tư cho Dự án được Chủ đầu tư báo cáo KTNN là 23.778.001 triệu đồng vượt so với TMĐT hiệu chỉnh của Dự án (20.392.522 triệu đồng chưa bao gồm thuế) là 3.385.479 triệu đồng nhưng Chủ đầu tư chưa thực hiện việc lập, thẩm định và trình Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh bổ sung TMĐT theo quy định;

- *Quản lý tổng dự toán, dự toán*

+ Mặc dù Dự án được thực hiện theo Nghị định 16/2005/NĐ-CP của Chính phủ nhưng tổng dự toán điều chỉnh chưa được Ban QLDA trình EVN phê duyệt sau khi TMĐT hiệu chỉnh được duyệt là thực hiện chưa đúng quy định tại mục 2, khoản 1, điều 13, Nghị định 16/2005/NĐ-CP và Mục 2, Khoản I, Phần C, Thông tư 04/2005/TT-BXD về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

+ Khối lượng phát sinh gói thầu số 16 được Ban QLDA và các đơn vị liên quan lập, trình EVN phê duyệt giá trị 16.667 triệu đồng trong khi chưa

làm rõ nguyên nhân phát sinh là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 10, Nghị định 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ;

+ Lập dự toán một số công việc của gói thầu số 33 sai định mức, sai đơn giá dẫn đến phải điều chỉnh dự toán từ 248.227 triệu đồng lên 332.721 triệu đồng (nguyên nhân khách quan 46.651 triệu đồng và nguyên nhân chủ quan 52.831 triệu đồng); dự toán chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá tạm tính bằng 10% chi phí xây dựng, chi phí tư vấn, chi phí khác của gói thầu số 33, 34 là chưa tuân thủ theo Khoản 3.7, Điều 4, Thông tư số 04/2010/BXD của Bộ Xây dựng; dự toán chi phí khởi công vượt định mức quy định tại Quyết định số 226/2009/QĐ-TTg ngày 10/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ số tiền 466 triệu đồng; chi phí lãi vay thực tế tăng so với dự kiến của TMĐT số tiền 344.705 triệu đồng (chi phí lãi vay trong TMĐT 542.966 triệu đồng, thực tế chi phí lãi vay đến 30/6/2014 là 887.671 triệu đồng);

- *Quản lý chi phí dự án thông qua công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu*

Chủ đầu tư, Ban QLDA và các đơn vị có liên quan cơ bản đã chấp hành các quy định của Nhà nước trong công tác lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008, Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006, Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu.

Kế hoạch đấu thầu gói thầu EPC được Bộ Công nghiệp phê duyệt theo hình thức đấu thầu quốc tế rộng rãi, giá gói thầu EPC được hiệu chỉnh theo quy định tại khoản 2, Điều 70, Nghị định 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 của Chính phủ số tiền 17.014 tỷ đồng (tương đương 917,513 triệu USD chưa bao gồm các khoản thuế, phí) quá trình thực hiện công tác mời thầu, xét thầu, thương thảo, đàm phán ký kết hợp đồng đảm bảo theo các quy định hiện hành của Nhà nước; EVN đã thỏa thuận với JICA và phê duyệt kết quả đấu thầu nhà thầu Marubeni (MC) trúng thầu với giá trị 661.255.086 USD, 1.376.650 EURO và 20.872.492.960 JPY (tương đương 876,218 triệu USD chưa bao

gồm thuế, phí) theo hình thức hợp đồng trọn gói; thời gian thực hiện 67 tháng kể cả thời gian bảo hành.

Các nhà thầu xây dựng, cung cấp vật tư, thiết bị, lắp đặt các hạng mục thuộc Dự án được chủ đầu tư lựa chọn ký kết hợp đồng thông qua hình thức chỉ định thầu, đấu thầu rộng rãi theo đánh giá là những nhà thầu có đủ kinh nghiệm và năng lực thi công công trình.

Tuy nhiên, còn một số tồn tại:

- Kế hoạch đấu thầu và Hồ sơ mời thầu điều chỉnh gói thầu EPC chưa được thẩm tra trước khi trình Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định 5153/QĐ-BCT ngày 23/9/2008 là thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 12, Nghị định 58/2008/NĐ-CP ngày 5/5/2008;

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt kết quả đấu thầu và hình thức hợp đồng trọn gói cho gói thầu EPC theo Quyết định số 531/QĐ-EVN ngày 01/6/2010 không đúng với Kế hoạch đấu thầu số 5153/QĐ-BCT (trọn gói phần thiết bị và theo đơn giá phần xây dựng); tổ chức đấu thầu gói thầu số 34 chậm 4 tháng so với thời gian quy định tại Quyết định số 430/QĐ-EVN ngày 14/7/2010 của EVN;

- Chỉ định thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập TK BVTC, dự toán, HSMT cửa, kênh nhận và xả nước làm mát với giá trị 7.600 triệu đồng là chưa tuân thủ khoản 4, Điều 2 của Luật đấu thầu sửa đổi và Điều 40, Nghị định số 85/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

- *Quản lý và thực hiện hợp đồng*

Hợp đồng các gói thầu ngoài EPC và Hợp đồng EPC số 010610/NS1-EVN-MC ngày 01/6/2010 cơ bản tuân thủ theo quy định tại Nghị định 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007, Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng bao gồm các nội dung và khối lượng công việc phải thực hiện theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt.

Tuy nhiên, còn một số tồn tại:

+ Quá trình thương thảo giá trị hợp đồng EPC hai bên đã thống nhất hình thức hợp đồng trọn gói là chưa phù hợp với Kế hoạch đấu thầu. Ngoài ra, hợp đồng EPC thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói nhưng quá trình thực hiện có một số thiết bị dự phòng thay đổi chủng loại và đơn giá thanh toán so với quy định. Chủ đầu tư, Ban QLDA và nhà thầu MC chưa tiến hành đàm phán, thương thảo, lập và trình phê duyệt lại đơn giá, chủng loại cho phù hợp với số tiền 124.466 triệu đồng;

+ Trong quá trình thương thảo, ký kết hợp đồng theo hình thức trọn gói của các gói thầu xây lắp số 18, 22, 23, 24, 25 Ban QLDA và các bên có liên quan đã rà soát khối lượng công việc hợp đồng chưa chính xác theo thiết kế được qui định tại khoản 2, Điều 48, Chương VIII, Nghị định số 85/2009/NĐ-CP của Chính phủ làm tăng giá trị hợp đồng số tiền 2.821 triệu đồng (gói thầu số 18: 168,7 triệu đồng; gói thầu 22: 79 triệu đồng; gói thầu 23: 1.029 triệu đồng, gói thầu 24: 537 triệu đồng, gói thầu 25: 1.008 triệu đồng).

*- Quản lý chi phí dự án thông qua công tác quản lý chất lượng*

Các gói thầu xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị thuộc Dự án được thực hiện quản lý chất lượng theo quy định của Nghị định số 209/2004 ngày 16/12/2004, Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Thông tư số 27/2009/TT-BXD ngày 31/7/2009 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật chi tiết, nghiệm thu giai đoạn, công tác nghiệm thu hoàn thành giai đoạn các hạng mục của Dự án được sự kiểm tra góp ý, đánh giá và chấp thuận của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở.

Đối với gói thầu EPC xây dựng nhà máy chính: Công tác quản lý chất lượng đã được Chủ đầu tư, tư vấn kỹ thuật và nhà thầu thực hiện đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Dự án và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kèm theo các chứng chỉ xác nhận kiểm định về chất lượng của các cơ quan có chức năng; quy trình kỹ thuật an toàn, thí nghiệm hiệu chỉnh, chạy thử của thiết bị/hệ thống, hệ thống

điện 220KV và hệ thống đo đếm, đóng điện được nghiệm thu đủ điều kiện hòa đồng bộ;

Căn cứ kết quả kiểm định chất lượng của Viện kỹ thuật công trình - Trường Đại học Thủy lợi tại các gói thầu 18, 33, 34 (Đơn vị đã lập báo cáo kết quả kiểm định) và đánh giá chất lượng thi công công trình cơ bản đáp ứng thiết kế.

Theo đó: các kết quả thí nghiệm kiểm tra vật tư vật liệu đạt yêu cầu thiết kế; vật liệu sử dụng được thí nghiệm, kiểm soát, kiểm tra đạt yêu cầu kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng; kết cấu bê tông, kết cấu thép lắp dựng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, kích thước, các sai số trong phạm vi cho phép; hệ thống đường ống công nghệ được kiểm định đạt yêu cầu; công tác hoàn thiện như trát tường, ốp gạch, trần... thực hiện theo yêu cầu kỹ thuật; an toàn và vệ sinh môi trường; chứng nhận về phòng cháy chữa cháy; các tồn tại trong quá trình thi công được Chủ đầu tư, Ban QLDA, tư vấn kỹ thuật và các đơn vị liên quan lập Biên bản hiện trường yêu cầu nhà thầu khắc phục, xử lý.

Tuy nhiên, còn một số tồn tại:

- Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở đã chỉ ra một số tồn tại trong quá trình thực hiện Dự án, trong đó một số tồn tại lớn như: Tắc Bunker than, rò hơi ở các thiết bị thổi bụi hành trình dài...;

- Trong quá trình chạy thử gói thầu EPC đã xảy ra một số sự cố như tắc xỉ đáy lò, tắc silo tro bay... MC chịu trách nhiệm tiến hành hiệu chỉnh đảm bảo vận hành đúng thông số thiết kế của Hợp đồng do vậy chưa hoàn thành công tác chạy thử.

Như vậy đối với công tác quản lý chất lượng còn để xảy ra một số tồn tại dẫn đến phải tiến hành sửa chữa, khắc phục dẫn đến làm chậm tiến độ và phát sinh chi phí của dự án

*- Quản lý chi phí dự án thông qua công tác quản lý tiến độ*

Theo Quyết định số 736/QĐ-BCN và tiến độ thi công hàng năm được EVN phê duyệt, Dự án được đưa vào vận hành khai thác năm 2010. Do công



tác đền bù GPMB chậm 12 tháng, quá trình thực hiện và chạy thử gặp một số sự cố phải chỉnh sửa nên đến nay dự án chưa hoàn thành, Chủ đầu tư đã tổ chức các cuộc họp để các đơn vị có liên quan báo cáo, kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của các bên.

Tuy nhiên, còn một số tồn tại:

+ Tiến độ thực hiện Dự án chậm khoảng 4 năm (dự kiến cuối năm 2010 hoàn thành) so với tiến độ được phê duyệt tại Quy hoạch điện V hiệu chỉnh, Quy hoạch điện VI và Quyết định số 736/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp;

+ Đến thời điểm kiểm toán tổ máy số 1 chậm tiến độ 12 tháng, tổ máy số 2 chậm tiến độ 8 tháng và chưa hoàn thành việc chạy thử để đưa vào chạy vận hành thương mại so với quy định tiến độ hợp đồng EPC;

+ Một số gói thầu xây lắp ngoài EPC chậm tiến độ so với quy định của hợp đồng, cụ thể: Gói thầu số 22 chậm 6 tháng; gói thầu số 23 chậm tiến độ hơn 7 tháng; gói thầu số 25 chậm tiến độ hơn 5 tháng; gói thầu số 34 chậm 2 tháng; gói thầu số 16 chậm tiến độ 45 tháng đến nay chưa hoàn thành mặc dù đã được gia hạn thời gian thực hiện nhiều lần. Chủ đầu tư và Ban QLDA chưa xác định cụ thể trách nhiệm các bên thực hiện chậm tiến độ ở các gói thầu trên;

+ Nguyên nhân chậm tiến độ thực hiện Dự án chủ yếu thuộc về MC vì trong quá trình chạy thử nhà máy gặp một số sự cố phải khắc phục sửa chữa. Trách nhiệm này thuộc về EVN và nhà thầu MC.

Như vậy với việc quản lý tiến độ dự án chậm không đạt như kế hoạch dẫn đến phải phát sinh chi phí do trượt giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị; phát sinh chi phí lãi vay do không có nguồn trả nợ đúng hạn khi phát điện thương mại.

- *Quản lý công tác đền bù giải phóng mặt bằng*

Chủ đầu tư, Ban QLDA và các đơn vị có liên quan về cơ bản đã chấp hành theo các quy định của Nhà nước trong công tác kiểm kê diện tích và tài sản, xây dựng phương án, thẩm định, phê duyệt và tổ chức chi trả kinh phí đền bù GPMB cho các đơn vị, hộ gia đình để thực hiện đúng tiến độ bàn giao mặt bằng cho đơn vị thực hiện thi công công trình.

Tuy nhiên, còn một số tồn tại:

+ Công tác đền bù GPMB chậm 12 tháng so với kế hoạch do gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, kinh phí đền bù tăng 2 lần so với dự toán (240.606 triệu đồng/445.696 triệu đồng);

+ Kinh phí đền bù GPMB còn tồn số tiền 1.789 triệu đồng chưa chi trả cho các đối tượng được hưởng (nguyên nhân: theo báo cáo của Ban QLDA do các hộ dân đi làm ăn ở xa chưa về nhận tiền);

+ Ban QLDA và Hội đồng đền bù GPMB chưa thực hiện quyết toán kinh phí Hội đồng đền bù huyện Tĩnh Gia số tiền 8.231 triệu đồng là thực hiện chưa đúng điều 4, Thông tư số 57/2010/TT-BTC ngày 16/4/2010 của Bộ Tài chính.

- *Quản lý công tác nghiệm thu thanh toán*

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Giá trị báo cáo được kiểm toán
A	B	1	2
	<b>Tổng số:</b>	<b>23.778.001.220.410</b>	<b>23.778.001.220.410</b>
1	Chi phí xây dựng	4.537.417.472.369	4.537.417.472.369
2	Chi phí thiết bị	15.609.250.019.701	15.609.250.019.701
3	Chi phí khác	3.631.333.728.340	3.631.333.728.340

*(Nguồn: Báo cáo kiểm toán dự án nhiệt điện Nghi Sơn 1)*

Một số tồn tại chủ yếu:

+ Nghiệm thu sai khối lượng: gói thầu số 16 sai khối lượng đường ống phun trung bình và khối lượng được bù giá do tăng lương tối thiểu số tiền 740,8 triệu đồng; sai khối lượng mỗi nối cọc số tiền 990,6 triệu đồng;

+ Thanh toán sai đơn giá: gói thầu số 25 sai đơn giá phần gạch ốp số tiền 191,3 triệu đồng; gói thầu EPC thanh toán một số thiết bị dự phòng trùng lặp, không đúng chủng loại, đơn giá số tiền 124.467 triệu đồng;

+ Quyết toán sai khối lượng công tác đào đắp đất, sản xuất lắp dựng cốt thép và bê tông kênh gói thầu số 33 số tiền 696,1 triệu đồng;

+ Dự án đang trong quá trình chạy thử nhưng EVN đã có văn bản số 3686/EVN-QLXD-KTSX ngày 22/9/2014 huy động nhà máy chạy phát điện thương mại (được MC đồng ý) để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện từ ngày 17/6/2014 đến ngày 11/7/2014 đến 30/6/2014 là chưa đúng với quy trình nghiệm thu, bàn giao theo quy định của hợp đồng EPC;

+ Qua kiểm toán công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các chi phí đầu tư của Dự án do đơn vị lập đến ngày 30/6/2014, KTNN phát hiện còn một số sai sót, tồn tại: + Sai khối lượng: 3.035.789.262 đồng; sai đơn giá: 225.397.016 đồng; sai khác: 60.450.779.682 đồng; chưa đủ điều kiện quyết toán 1.538.781.198.850 đồng; Chưa phân bổ cho dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2 giá trị: 863.758.263.767 đồng.

#### *2.3.2.2 Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1 và Dự án cơ sở hạ tầng*

##### *- Quản lý tổng mức đầu tư:*

+ Hội đồng quản trị EVN phê duyệt điều chỉnh TMĐT của Dự án tại Quyết định số 145/QĐ-EVN ngày 25/3/2010 giá trị 29.245.780 triệu đồng, tăng 10.204.607 triệu đồng so với TMĐT được phê duyệt tại Quyết định số 508/QĐ-EVN.

+ Nguồn vốn của Dự án chưa được tổ chức cho vay vốn thẩm định phương án tài chính và phương án trả nợ là thực hiện chưa đúng quy định tại Khoản 3, Điều 12, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ. Vì vậy, khi thương thảo vay vốn nước ngoài EVN đã không lường hết được các chi phí đi vay như lãi xuất vay vốn, phí bảo hiểm tín dụng, phí thu xếp... để ghi nhận vào TMĐT.

+ Công tác khảo sát: khảo sát địa chất phục vụ lập thiết kế cơ sở còn hạn chế dẫn đến việc phải thay đổi phương án thi công từ đóng cọc bê tông ly tâm sang cọc khoan nhồi; tăng khối lượng cọc xi măng đất... dẫn đến công tác lập TMĐT ban đầu không chính xác.

+ Thiết kế cơ sở điều chỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 333/QĐ-EVN nội dung móng Ống khói không phù hợp giữa thiết kế và dự toán (thiết

kế móng cọc khoan nhồi D1000 nhưng dự toán áp móng cọc PHC D800) làm sai giá trị TMĐT;

+ Chi phí phần thiết bị áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 5% không phù hợp quy định của Thông tư 18/2009/TT-BTC ngày 30/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng theo Danh mục hàng hóa của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi;

+ Ngoài ra nguyên nhân để TMĐT tăng nhưng chưa chính xác do một số hạng mục, chi phí chưa được tính toán cụ thể, chi tiết, chỉ tạm tính để dự trù vốn đầu tư: Hệ thống thải tro xỉ theo phương án thải xỉ ướt (thủy lực) hoặc khô, chi phí dịch vụ tư vấn nước ngoài, chi phí kiểm tra chất lượng vật liệu kiểm định chất lượng công trình, tư vấn nước ngoài hỗ trợ lập HSMT và đánh giá Hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng EPC, chi phí đi vay và phí đối với nguồn vốn vay nước ngoài, chi phí nghiệm thu, chi phí lập các báo cáo chuyên ngành; một số hạng mục dùng chung như Cửa và Kênh lấy nước làm mát chưa phân bổ chi phí cho Dự án Duyên Hải 3.

*- Quản lý Tổng dự toán, dự toán*

Dự án Cơ sở hạ tầng: PECC2 và thầu phụ Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hân Minh lập thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công gói thầu số 5 nhưng năng lực và kinh nghiệm còn hạn chế phải thay đổi thiết kế sang ống HDPE làm tăng giá trị dự toán; thiết kế hố van xả bùn không có ống xả bùn gây khó khăn cho công tác quản lý vận hành...; Tính sai khối lượng dự toán giá trị 9.037 triệu đồng, tính sai đơn giá dự toán giá trị 12.063 triệu đồng. Chủ đầu tư không chiết giảm dự toán gói thầu số 4 (chỉ định thầu) giá trị 1.150 triệu đồng theo quy định tại Công văn số 6487/CV-EVN-KTDT ngày 05/12/2007 của EVN.

*- Quản lý công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu*

Công tác đấu thầu và lựa chọn nhà thầu (lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo trúng thầu) được EVN thực hiện theo Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số cơ chế, chính

sách đặc thù để đầu tư xây dựng các công trình điện cấp bách, Luật Đấu thầu, các Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu. Nhà thầu DEC trúng thầu gói thầu EPC là nhà thầu có năng lực đã tham gia 7 dự án thủy điện và nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 1&2 qua hình thức đấu thầu rộng rãi, các dự án đã được các Chủ đầu tư nghiệm thu đưa vào vận hành.

Tuy nhiên, còn tồn tại:

\* Dự án Duyên hải 1

+ Ban QLDA không lập trình EVN thẩm định và phê duyệt Kế hoạch đấu thầu gói thầu khảo sát và lập dự án đầu tư Dự án Duyên Hải 1 theo quy định tại Điều 6, Luật Đấu thầu năm 2005; chưa lập, trình EVN thẩm định và phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đấu thầu gói thầu tư vấn giám sát thi công hợp đồng EPC; EVN giao Ban QLDA ký hợp đồng với PECC2 lập báo cáo quy hoạch Trung tâm nhiệt điện than Trà Vinh không tổ chức đấu thầu là thực hiện không tuân thủ Khoản đ, Điều 20, Luật Đấu thầu năm 2005;

+ Ban QLDA không tổ chức thẩm định trước khi phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu số 1 là thực hiện không tuân thủ Khoản d, Điều 41, Nghị định 85/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

\* Dự án Cơ sở hạ tầng:

+ Ban QLDA không lập, trình EVN thẩm định và phê duyệt Kế hoạch đấu thầu gói thầu khảo sát và lập dự án đầu tư NMD Duyên Hải 1, gói thầu Lập trạm quan trắc thủy hải văn TTDL Duyên Hải theo quy định Điều 6, Luật Đấu thầu năm 2005; Kế hoạch đấu thầu gói thầu số 2, số 4, số 8, số 9 phê duyệt theo hình thức chỉ định thầu nhưng giá gói thầu vượt hạn mức chỉ định thầu là thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 20, Luật Đấu thầu năm 2005;

- *Công tác quản lý và thực hiện hợp đồng*

Chủ đầu tư, Ban QLDA tuân thủ các quy định của nhà nước trong công tác đàm phán, ký kết hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 7/5/2010; Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định về hợp đồng xây dựng, Thông tư số 08/2003/TT-BXD ngày

9/7/2003 về hướng dẫn hợp đồng EPC và Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

Tuy nhiên, còn tồn tại:

Dự án Duyên Hải 1: Ban QLDA đàm phán và ký kết hợp đồng EPC chậm 4 tháng so với yêu cầu tại Nghị quyết số 497/NQ-HĐQT ngày 29/9/2009 của Hội đồng quản trị EVN.

Dự án Cơ sở hạ tầng:

+ Chủ đầu tư, Ban QLDA chưa rà soát lại khối lượng chính xác theo thiết kế được duyệt trước khi ký hợp đồng trọn gói tại gói thầu số 3, số 4 làm tăng giá trị hợp đồng 123 triệu đồng là thực hiện chưa đúng quy định tại Khoản 2, Điều 48, Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 của Chính phủ;

+ Ban QLDA chưa chiết giảm đơn giá vật liệu công tác kéo rải căng dây lấy độ võng tại gói thầu số 4 làm tăng giá trị hợp đồng 193 triệu đồng là thực hiện không đúng quy định tại Công văn số 6487/CV-EVN-KTDT ngày 05/12/2007 của EVN;

+ Hợp đồng kinh tế thi công gói thầu số 5 không quy định chi tiết về xuất xứ hàng hóa nhập ngoại như máy bơm, máy phát điện là thực hiện không đúng quy định tại Điều 13, Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 7/10/2010 của Chính phủ.

- *Quản lý chất lượng công trình*

Các gói thầu xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị và tư vấn được kiểm toán thuộc các Dự án được thực hiện quản lý chất lượng theo quy định của Nghị định số 209/2004 ngày 16/12/2004, Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các Thông tư của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật chi tiết, nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành các hạng mục của Dự án được kiểm tra góp ý, đánh giá và chấp thuận của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở và chấp thuận của Hội đồng nghiệm thu cấp Nhà nước. Một số tồn tại trong quá trình thi công được Chủ đầu tư, Ban

QLDA, tư vấn kỹ thuật và các đơn vị liên quan lập Biên bản hiện trường yêu cầu nhà thầu khắc phục, xử lý.

Tuy nhiên, còn một số tồn tại:

- Dự án Duyên Hải 1:

+ Một số thiết bị phải thay đổi so với Hợp đồng EPC như xe chở tro xỉ, hệ thống điều khiển, cáp và hệ thống đỡ cáp;

+ Hệ thống van Bypass hạ áp gặp sự cố khi sử dụng phải sửa chữa, đến thời điểm kiểm toán chưa có phương án thay thế để đảm bảo ổn định lâu dài, tin cậy cho hai tổ máy;

- Dự án Cơ sở hạ tầng: Chủ đầu tư không lập báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước tại địa phương về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình định kỳ 6 tháng/lần, báo cáo sự cố theo quy định tại Khoản 6, Điều 4, Thông tư số 27/2009/TT-BXD ngày 31/7/2009 của Bộ Xây dựng và Điểm a, Khoản 1, Điều 35, Nghị định 209/2004/NĐ-CP về quản lý chất lượng công trình; Nhà thầu thi công gói thầu số 11 chưa mua bảo hiểm cho tài sản, con người thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

- *Quản lý tiến độ thực hiện dự án*

- Dự án Duyên Hải 1: Gói thầu EPC được khởi công ngày 19/9/2010, tiến độ thực hiện theo hợp đồng được tính từ ngày có hiệu lực của hợp đồng vay vốn 26/9/2011 (thời gian hoàn thành tổ máy số 1 là 46 tháng, tổ máy số 2 là 48 tháng). Tính đến thời điểm cấp PAC cho hai tổ máy, tổ máy số 1 chậm 5,5 tháng, tổ máy số 2 chậm 4 tháng. Đến nay, Chủ đầu tư và Tổng thầu chưa làm rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan và trách nhiệm các bên về những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra làm cơ sở phạt chậm tiến độ theo điều khoản hợp đồng đã ký;

- Dự án Cơ sở hạ tầng: Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư, Ban QLDA và các nhà thầu thường xuyên triển khai kiểm điểm tiến độ thi công trên công trường, Dự án cơ bản thực hiện theo tiến độ. Tại các gói thầu chậm tiến độ, chủ yếu do nguyên nhân khách quan và không làm tăng chi phí đầu tư xây lắp, thiết bị của Dự án. Chủ đầu tư và các nhà thầu đã lập hồ sơ và xử phạt các nhà thầu chậm tiến độ 9 tháng tại gói thầu số 3 số tiền 260 triệu đồng.

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng Dự án Cơ sở hạ tầng

Chủ đầu tư, Ban QLDA và các đơn vị có liên quan về cơ bản đã chấp hành theo các quy định của Nhà nước trong công tác kiểm kê diện tích và tài sản, xây dựng phương án, thẩm định, phê duyệt và tổ chức chi trả kinh phí đền bù GPMB cho các đơn vị, hộ gia đình để thực hiện đúng tiến độ bàn giao mặt bằng cho đơn vị thực hiện thi công công trình.

Tuy nhiên, còn tồn tại: Chi phí tổ chức thực hiện đền bù chưa được phê duyệt dự toán, quyết toán số tiền 3.278 triệu đồng là thực hiện chưa đúng quy định tại Điều d, khoản 1, Điều 6 Thông tư số 57/2010/TT - BTC ngày 16/4/2010 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công tác nghiệm thu quyết toán

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên dự án	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán
		1	2
-	<b>TỔNG SỐ (A+B):</b>	<b><u>33.473.471.995.703</u></b>	<b><u>33.358.433.220.271</u></b>
<b>A</b>	<b>DỰ ÁN DUYÊN HẢI 1</b>	<b>32.431.491.585.321</b>	<b>32.428.536.561.963</b>
1	Hợp đồng EPC - Tổng thầu DEC	24.648.516.599.281	24.648.516.599.281
2	Các gói thầu, chi phí ngoài Hợp đồng EPC	7.782.974.986.040	7.780.019.962.682
2.1	Chi phí quản lý dự án	75.889.871.592	75.889.871.592
2.2	Chi phí tư vấn	137.383.940.701	137.033.523.428
2.3	Chi phí khác	7.569.701.173.747	7.567.096.567.662
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN CƠ SỞ HẠ TẦNG</b>	<b>1.041.980.410.382</b>	<b>929.896.658.308</b>
1	Chi phí xây dựng	666.249.564.457	666.249.564.457
2	Chi phí thiết bị	17.354.801.675	17.354.801.675
3	Chi phí đền bù GPMB	118.236.005.063	118.236.005.063
4	Chi phí quản lý dự án	1.877.000.000	11.877.000.000
5	Chi phí tư vấn	24.879.750.979	24.464.131.225
6	Chi phí khác	203.383.288.208	91.715.155.888

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải I và dự án cơ sở hạ tầng)



- Một số tồn tại dẫn đến chênh lệch khi nghiệm thu quyết toán:

+ Một số vật tư, thiết bị thay đổi đặc tính kỹ thuật so với Hợp đồng EPC số tiền 178.918 triệu đồng (xe chở tro xỉ: 15.019 triệu đồng, hệ thống điều khiển: 106.325 triệu đồng và cáp & hệ thống đỡ cáp: 57.573 triệu đồng) đã được EVN chấp thuận, Tuy nhiên, Ban QLDA chưa thương thảo lại giá trị với nhà thầu EPC; thanh quyết toán công tác Bể chứa nước Hạng mục Bãi xỉ khi chưa phê duyệt điều chỉnh dự toán cho phù hợp giá trị 7.929 triệu đồng; nghiệm thu, quyết toán sai quy định phần xây dựng (hạng mục thi công dưới mặt đất) và quy hoạch số tiền 681 triệu đồng;

+ Chi phí chạy thử: Tổng sản lượng điện trong quá trình chạy thử đã bàn giao cho Công ty Mua bán điện 1.484.027.700 kWh, đến ngày 30/6/2016 các bên chưa lập hồ sơ quyết toán doanh thu chạy thử để xác định chi phí chạy thử số tiền 438.024 triệu đồng; Ban QLDA chưa quyết toán với Nhà thầu EPC khối lượng nước, chi phí hóa chất xử lý nước sử dụng trong quá trình chạy thử số tiền 9.699 triệu đồng;

+ Ban QLDA thanh toán một số chi phí đầu tư ngoài TMĐT số tiền 3.308.349 triệu đồng (chi tiết tại phụ biểu số 02,02a/BCKT-DAĐT).

- Dự án Cơ sở hạ tầng:

+ Nghiệm thu, thanh toán sai khối lượng số tiền 1.958 triệu đồng; Nghiệm thu, thanh toán sai đơn giá 1.338 triệu đồng; Nghiệm thu, thanh toán sai khác 17.630 triệu đồng;

+ Chưa đủ điều kiện thanh toán, quyết toán: thi công giếng cát (do đang lấy bằng giá trị đơn giá thi công cọc cát) tại gói thầu số 08 và gói thầu số 09 số tiền 52.252 triệu đồng.

### *2.3.2.3 Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1*

- Quản lý tổng mức đầu tư:

+ Tổng mức đầu tư Dự án lần đầu được lập, thẩm định, phê duyệt theo Quyết định số 190/QĐ-EVN-HĐQT, ngày 28/02/2007 với giá trị 17.592.977,23 triệu đồng tương đương 1.099.561.077 USD trên cơ sở khối

lượng, công suất, quy mô đầu tư xác định từ hồ sơ thiết kế cơ sở và đơn giá vật tư, vật liệu, thiết bị tại thời điểm còn chưa phù hợp, thiếu chính xác dẫn đến phải điều chỉnh giá trị nhiều lần (điều chỉnh tới lần thứ 3) lên 37.403.765,73 triệu đồng tương đương 1.769.976.215 USD.

Việc tăng tổng mức đầu tư dự án nhiệt điện Mông Dương 1 chủ yếu do một số nguyên nhân khách quan như:

+ Do điều chỉnh quy mô đầu tư hạng mục Sân phân phối 500kV cho phù hợp với phương án sử dụng chung Sân phân phối 500kV của 02 nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 và nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 2 làm tăng tổng mức đầu tư 330.048,22 triệu đồng;

+ Thay đổi định mức lương tối thiểu chung từ 450.000 đ/tháng lên 819.000 đ/tháng. Việc nhà nước thay đổi định mức lương tối thiểu chung cùng với việc điều chỉnh thiết kế một số hạng mục công việc dẫn đến tăng chi phí nhân công phần xây dựng và lắp đặt thiết bị lên 2.324.761,54 triệu đồng;

+ Thay đổi chính sách thuế VAT đối vật tư, thiết bị nhập khẩu mà trong nước chưa sản xuất được (tăng 10% thuế VAT). Việc điều chỉnh chính sách thuế của nhà nước kết hợp với việc tăng giá thiết bị nhập khẩu của nhà máy trên thị trường làm tăng chi phí đầu tư phần thiết bị là 9.675.495,65 triệu;

+ Thay đổi chính sách đền bù và đơn giá đền bù nhà đất kết hợp với việc điều chỉnh thiết kế một số hạng mục công việc và việc lập chính xác hơn phương án đền bù, giải phóng mặt bằng làm tăng chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng lên 183.305,37 triệu đồng;

+ Thay đổi một số chính sách, chế độ trong quản lý đầu tư xây dựng kết hợp với việc phải thuê Tư vấn nước ngoài dẫn đến làm tăng chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí quản lý dự án với tổng giá trị tăng là 512.292,20 triệu đồng;

+ Việc tăng chi phí đầu tư do những nguyên nhân nêu trên vượt quá khả năng cân đối nguồn vốn theo Tổng mức đầu tư ban đầu dẫn đến phải bổ sung nguồn bằng cách vay các ngân hàng thương mại với lãi suất cao hơn làm tăng chi phí đi vay lên 1.384.940 triệu đồng;

+ Ngoài những nguyên nhân nêu trên, việc tăng chi phí đầu tư cũng làm tăng chi phí dự phòng theo tỷ lệ quy định với giá trị tăng là 1.440.207,82 triệu đồng;

+ Tỷ giá chuyển đổi ngoại tệ thay đổi so với thời điểm lập Tổng mức đầu tư ban đầu từ 16.084đ/1USD lên 21.132,6đ/1USD tăng 131,39% là một trong số những nguyên nhân lớn làm tăng tổng mức đầu tư.

Bên cạnh đó còn có những nguyên nhân chủ quan do chưa xác định đầy đủ các nội dung chi phí đầu tư và giá trị chi phí tương ứng để triển khai thực hiện Dự án cũng góp phần làm tăng Tổng mức đầu tư như:

+ Giá trị thiết bị, vật tư tham khảo một số nhà máy nhiệt điện khác ở phía Bắc như dự án nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2, dự án nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 1, nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh 1, nhà máy nhiệt điện Cẩm phả 1 tại thời điểm lập Tổng mức đầu tư nhưng mới chỉ đạt 44,15% so với giá trị tương ứng của hợp đồng EPC (518.158.186 USD/1.173.592.582 USD);

+ Chi phí khác bao gồm cả công tác đền bù giải phóng mặt bằng, trả lãi vay và chi phí quản lý dự án... còn bị lập thiếu so với quy định, chỉ đạt so 0,11% với nhu cầu theo Quyết định điều chỉnh tổng mức đầu tư lần thứ 3 (143.421 USD/130.376.702 USD).

- Quá trình điều chỉnh Tổng mức đầu tư chưa kịp thời cập nhật và điều chỉnh khoản vay, chi phí đi vay với giá trị là 249.172.799.796 đồng và gói thầu “Cải tạo nâng cấp nhà làm việc cải tạo nâng cấp nhà làm việc cho tư vấn và Ban QLDA” với giá trị là 4.337.458.017 đồng vào Tổng mức đầu tư của dự án làm cơ sở cho việc quản lý, quyết toán chi phí đầu tư hoàn thành là chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 4, Nghị định 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Trong phương án tài chính đang tính tỷ lệ chi phí bảo dưỡng là 2,5% chi phí thiết bị và xây lắp thấp hơn so quy định 3,5%; số giờ vận hành trung bình của các nhà máy là 6.000h thấp hơn so qui định là 6500 giờ/năm theo QĐ số 2014/QĐ-BCN ngày 13/6/2007 của Bộ Công nghiệp. Tuy nhiên, qua

kiểm toán cho thấy, Dự án vẫn đảm bảo hiệu quả về kinh tế, đảm bảo thời gian thu hồi vốn mặc dù còn một số chỉ tiêu đạt nhưng chưa cao như (Giá trị hiện tại ròng tài chính, Hệ số Lợi ích/Chi phí tài chính);

- Khi chuyển đổi chủ đầu tư của dự án nhiệt điện Mông Dương 1 từ EVN sang Genco3 từ ngày 01/01/2013, EVN đã tính bổ sung thêm khoản phí cho vay lại 0,2%/năm trên dư nợ gốc của các nguồn vốn vay ngoài nước (ADB) làm tăng chi phí đầu tư của Dự án với số tiền 70.865.195.669 đồng.

Nguyên nhân dẫn đến việc tăng chi phí đầu tư nêu trên là do EVN chưa có thỏa thuận với tổ chức cho vay (ADB) hoặc Bên bảo lãnh cho vay (Bộ tài chính) để xin chuyển đổi chủ thể hợp đồng vay lại sang Genco3 là chưa phù hợp quy định tại Điều 11, Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25/8/2014 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính của EVN; Bộ Công thương chưa yêu cầu Genco3 ký xác nhận nợ với cơ quan cho vay lại (Bộ Tài chính) và thực hiện trả nợ theo thỏa thuận cho vay lại đã ký là chưa phù hợp quy định tại Điều 16, Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

- Việc tính chi phí các hạng mục dùng chung của Trung tâm điện lực Mông Dương với tổng giá trị là 1.704.640,94 triệu đồng (trong đó dự kiến phân bổ cho dự án nhiệt điện Mông Dương 2 là 857.306,69 triệu đồng theo tỷ lệ 50%) cho dự án Mông Dương 1 đã phản ánh không đúng chi phí đầu tư của dự án;

- Tính dự phòng khối lượng cho hợp đồng EPC với giá trị là 820.463,76 triệu đồng tương đương 3% giá trị hợp đồng EPC trong khi hợp đồng EPC không có điều khoản phát sinh về khối lượng dẫn đến làm tăng Tổng mức đầu tư điều chỉnh đợt 3.

- Quản lý tổng dự toán, dự toán

+ Chủ đầu tư không phát hiện được sai sót của công tác lập tiên lượng, đơn giá vật tư, vật liệu trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt dự toán của một số gói thầu với tổng giá trị là 11.577 triệu đồng. Những sai sót về tiên

lượng, đơn giá đã được điều chỉnh giảm trong quá trình nghiệm thu thanh toán và điều chỉnh theo kết quả kiểm toán;

+ Dự toán gói thầu EPC lập trên cơ sở tham khảo giá của các nhà máy nhiệt điện đã tiến hành xây dựng tại Việt Nam, do việc xác định giá vật tư thiết bị trên cơ sở công nghệ và công suất đã được lựa chọn (của nhà máy nhiệt điện Ung Bí, Phả Lại) thấp hơn rất nhiều so với giá được xác định của nội dung hợp đồng EPC đã được ký kết, do đó dự toán gói thầu EPC lập chưa chính xác phải điều chỉnh trong quá trình đấu thầu, lựa chọn nhà thầu;

+ Chưa phê duyệt Dự toán và ký kết phụ lục hợp đồng chi phí bù do trượt giá thuộc hợp đồng EPC (Đến thời điểm kiểm toán chi dự toán chi phí bù trượt giá đơn vị tư vấn đang lập và chưa có báo cáo thẩm tra của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ xây dựng);

+ Lập dự toán chi phí quản lý dự án hàng năm không có kế hoạch tổng thể phân bổ trên cơ sở từ nguồn trong tổng mức đầu tư được duyệt; xây dựng thiếu nội dung dẫn đến phải bổ sung nhiều lần trong năm, hoặc tách thêm các phần của giải phóng mặt bằng, chuẩn bị sản xuất, tư vấn khác, chi phí khác... dẫn đến khó kiểm soát việc cân đối nguồn chi quản lý dự án là một trong những nguyên nhân làm chi vượt chi phí quản lý dự án.

#### *- Quản lý công tác đấu thầu*

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo trúng thầu đối với các hạng mục đầu tư thuộc Dự án về cơ bản được EVN, Genco3, Ban QLDA và các đơn vị có liên quan thực hiện theo quy định của Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để đầu tư xây dựng các công trình điện cấp bách; Luật Đấu thầu năm 2005, Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/05/2008; Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

Đầu thầu. Qua đấu thầu đã giảm được chi phí đầu tư là 186,53 tỷ đồng với tỷ lệ giảm giá thầu trung bình 19% giá trị gói thầu.

Tuy nhiên, còn tồn tại:

- Kế hoạch đấu thầu gói thầu số 28 “Hợp đồng EPC” phải điều chỉnh theo yêu cầu của ADB làm phát sinh tăng chi phí của hợp đồng tư vấn giai đoạn 1 (gói thầu 20) với giá trị là: 9.972,29 USD và 90.232,54 SGD; Hồ sơ mời thầu Gói thầu 20 phải chỉnh sửa tới 02 lần sau khi phát hành theo ý kiến của ADB dẫn đến phải đấu thầu lại lần thứ 3 đã làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ chung của Dự án và đặc biệt là tiến độ thi công Gói thầu EPC;

- Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu thi công của một số gói thầu ngoài hợp đồng EPC chưa đúng thẩm quyền, trình tự theo quy định tại Điều 6, Điều 22, Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 và Điều 40, Điều 41, Nghị định số 85/NĐ-CP.

*- Công tác đàm phán, ký kết hợp đồng, quản lý và thực hiện hợp đồng*

Chủ đầu tư, Ban QLDA và các đơn vị có liên quan tuân thủ các quy định của nhà nước trong công tác ký kết, quản lý, thực hiện hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 7/5/2010; Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định về hợp đồng xây dựng, Thông tư số 08/2003/TT-BXD ngày 9/7/2003 về hướng dẫn hợp đồng EPC và Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về hợp đồng trong hoạt động xây dựng và Sổ tay hướng dẫn của ADB.

Tuy nhiên, còn tồn tại:

- Một số gói thầu (Gói thầu số 36, 37) có tiến độ thi công thực tế bị chậm so với quy định của hợp đồng, nhưng Chủ đầu tư, Ban QLDA chưa thực hiện các chế tài cần thiết để bắt buộc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công;

- Tổng thầu EPC thực hiện huy động một số nhà thầu phụ (nhà thầu cấp 3) cung cấp vật tư, thiết bị không thuộc danh mục nhà thầu phụ theo hợp đồng EPC, tuy nhiên Ban QLDA chưa trình chủ đầu tư phê duyệt bổ sung danh sách nhà thầu phụ là chưa đúng theo quy định tại Phụ lục số 05 đính kèm Hợp đồng EPC;

- Chủ đầu tư, Ban QLDA chưa kịp thời phát hiện và thương thảo điều chỉnh giảm giá trị hợp đồng gói thầu Xây dựng bãi thải xỉ giai đoạn 1 với giá trị 577.318.448 đồng do dự toán gói thầu lập sai tiên lượng.

*- Quản lý chất lượng công trình*

Các gói thầu xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị và tư vấn được kiểm toán thuộc Dự án được thực hiện quản lý chất lượng theo quy định của Nghị định số 209/2004 ngày 16/12/2004, Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các Thông tư của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật chi tiết, nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành các hạng mục của Dự án được kiểm tra, đánh giá và chấp thuận của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở và chấp thuận của Hội đồng nghiệm thu cấp Nhà nước. Một số tồn tại trong quá trình thi công được Chủ đầu tư, Ban QLDA, tư vấn kỹ thuật và các đơn vị liên quan lập Biên bản hiện trường yêu cầu nhà thầu khắc phục, xử lý. Hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ hoàn công của gói thầu EPC và các gói thầu xây lắp ngoài EPC được lập và lưu trữ đầy đủ.

*- Quản lý tiến độ thực hiện dự án*

+ Đến thời điểm kiểm toán (tháng 10/2016), thời gian thực hiện dự án có hiệu lực được quy định tại Quyết định phê duyệt dự án số 190/QĐ-EVN-HĐQT: Đưa tổ máy số 1 vào vận hành tháng 9 năm 2011, tổ máy số 2 vận hành tháng 3 năm 2012. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện gói thầu chính theo hợp đồng EPC quy định: ngày hoàn thành đưa vào vận hành thương mại tổ máy số 1 là tháng 4/2015 và tổ máy số 2 là tháng 10/2015; Thực tế gói thầu EPC được khởi công từ tháng 9/2011, hợp đồng có hiệu lực từ 15/12/2011, tổ máy số 1 hoàn thành phát điện thương mại ngày 10/10/2015, tổ máy số 2 ngày 03/12/2015. Như vậy, so với quyết định phê duyệt Dự án thì tiến độ thi công Dự án chậm gần 04 năm so với quy định của hợp đồng EPC thì tiến độ thi công gói thầu EPC chậm 06 tháng đối với Tổ máy số 1 và 02 tháng đối với Tổ máy số 2;

+ Qua kiểm toán cho thấy, một số gói thầu thi công ngoài EPC có tiến độ thi công thực tế còn bị chậm so với tiến độ theo điều khoản cam kết hợp đồng.

+ Đến nay, hầu hết các gói thầu ngoài EPC đều đã hoàn thành và thực hiện quyết toán A-B, thanh lý hợp đồng nhưng Chủ đầu tư, Ban QLDA và các đơn vị có liên quan chưa làm rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan và trách nhiệm các bên về những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra để rút kinh nghiệm trong công tác quản lý và làm cơ sở phạt chậm tiến độ theo điều khoản hợp đồng đã ký đối với các gói thầu đang thực hiện dở dang (Gói thầu EPC, gói thầu số 36, 37).

- *Quản lý công tác nghiệm thu thanh toán*

Chi phí đầu tư thực hiện đến 30/6/2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên dự án	Số báo cáo	Giá trị báo cáo được kiểm toán
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
	<b>Tổng số</b>	<b>30.431.616.329.366</b>	<b>30.408.294.769.624</b>
<b>A</b>	<b>Hợp đồng EPC</b>	<b>26.669.977.715.396</b>	<b>26.669.977.715.396</b>
1	Chi phí xây dựng	6.751.452.089.475	6.751.452.089.475
2	Chi phí thiết bị	18.530.371.678.081	18.530.371.678.081
3	Vật tư thu hồi	-96.999.091	-96.999.091
4	Chi phí điều chỉnh giá	424.920.000.000	424.920.000.000
5	Chi phí tư vấn	963.330.946.931	963.330.946.931
<b>B</b>	<b>Các gói thầu, chi phí ngoài EPC</b>	<b>3.761.638.613.970</b>	<b>3.738.317.054.228</b>
1	Chi phí GPMB, TĐC	267.871.460.703	267.374.676.488
2	Chi phí xây dựng	926.118.362.679	924.904.157.238
3	Chi phí thiết bị	30.468.713.196	29.988.988.306
4	Chi phí quản lý dự án	129.834.562.389	129.834.562.389
5	Chi phí tư vấn	413.787.672.635	401.697.581.104
6	Chi phí khác	1.993.557.842.368	1.984.517.088.703

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán dự án nhiệt điện Mông Dương 1)

Một số nguyên nhân dẫn đến giảm trừ chi phí đầu tư:

- Xác định khối lượng nghiệm thu hoàn thành chưa đúng với Bản vẽ hoàn công thể hiện dẫn đến phải giảm trừ giá trị khối lượng hoàn thành qua công tác kiểm toán là 4.980,85 triệu đồng (chi tiết tại Phụ lục 02/BCKT-DADT);

- Thanh toán và ghi nhận chi phí đầu tư đối với khoản: chi phí than, dầu, đá vôi phục vụ công tác chạy thử theo quy định thuộc phạm vi trách nhiệm nhà thầu Hyundai (Tổng thầu EPC) chi trả với số tiền 401.479.171.901



đồng là chưa tuân thủ quy định tại phụ lục 6 Hợp đồng EPC số ADB/MD1-TPIP/EPC150911 ngày 15/09/2011 đã ký giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tổng thầu thi công gói thầu EPC;

- Chi phí bù trượt giá phần xây dựng, lắp đặt thiết bị và phần thiết bị nhập khẩu được Ban QLDA thanh toán cho nhà thầu HDEC 20 triệu USD (chưa bao gồm VAT) theo công văn số 4826/EVN-QLXD ngày 27/11/2014 của Tập đoàn điện lực, khi chưa có kết quả phê duyệt dự toán điều chỉnh là chưa phù hợp quy định tại khoản 2 điều 11 của Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 (do tư vấn Điện 1 đang lập chỉ số giá và Viện kinh tế BXD đang thẩm tra) và hồ sơ thanh toán do nhà thầu trình chưa được Chủ đầu tư xác nhận là chưa phù hợp quy định tại Điều 19, Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010.

### **2.3.3 Quản lý công nợ của dự án**

#### **2.3.3.1 Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1**

Công tác quản lý công nợ đối với các nhà thầu thi công, các khoản mục chi phí cơ bản đảm bảo đúng theo quy định. Tuy nhiên, nợ phải trả đối với các nhà thầu thi công đến 30/6/2014 là 1.997.542 triệu đồng (Trong đó: nợ phải trả MC số tiền 1.813.071 triệu đồng). Nguyên nhân của việc còn để xảy ra nợ đọng cao là do các bên có liên quan chưa hoàn tất các thủ tục, hồ sơ quyết toán gói thầu EPC xây dựng nhà máy chính;

#### **2.3.3.2 Nhà máy nhiệt điện Duyên hải 1 và dự án Cơ sở hạ tầng**

\* Khả năng trả nợ của Dự án

+ Đối với nguồn vốn vay nước ngoài: Tính đến 30/06/2016, dư nợ hợp đồng tín dụng có bảo lãnh của Bộ Tài chính là 976,6 triệu USD (số tiền vay: 1.121 triệu USD, số đã trả: 144,4 triệu USD) EVN đã thanh toán nợ gốc, lãi vay, các khoản phí số tiền 3.663.030 triệu đồng theo cam kết các hợp đồng vay và thanh toán phí bảo lãnh của Bộ Tài chính theo quy định.

+ Đối với nguồn vốn trong nước, một số khoản vay GENCO1 đã trả 1.066.601 triệu đồng bằng 16% so với số vốn đã giải ngân (1.066.601 triệu đồng/6.626.227 triệu đồng);

+ Đến thời điểm 30/6/2016, Chủ đầu tư đã bố trí thêm nguồn vốn tự có 3.948.934 triệu đồng để thanh toán các khoản vay thương mại trong và ngoài nước giảm từ 31.368.582 triệu đồng xuống còn 27.419.648 triệu đồng (vay thương mại trong nước 6.626.227 triệu đồng, vay thương mại nước ngoài 20.793.420 triệu đồng);

+ Dự án Cơ sở hạ tầng: Đến thời điểm 30/6/2016, Chủ đầu tư đã bố trí thêm vốn đối ứng 305.192 triệu đồng để thanh toán các khoản vay thương mại trong nước giảm từ 912.437 triệu đồng xuống 607.245 triệu đồng.

\* Đánh giá nợ đọng trong đầu tư

- Dự án Duyên Hải 1: Giá trị giải ngân thanh toán, tạm ứng cho các gói thầu là: 35.302.734 triệu đồng; nợ phải thu 109.576 triệu đồng (nợ phải thu của nhà thầu EPC tiền nhiên liệu thông qua hợp đồng EPC số tiền 105.554 triệu đồng tương đương 4,6 triệu USD chiếm 96,33% nợ phải thu); nợ phải trả: 536.028 triệu đồng (nợ phải trả cho nhà thầu EPC số tiền 524.745 triệu đồng, chiếm 97,89% nợ phải trả) do chưa đến hạn thanh toán cho các nhà thầu;

- Dự án Cơ sở hạ tầng: Giá trị giải ngân thanh toán, tạm ứng cho các gói thầu số tiền 1.100.765 triệu đồng; nợ phải thu: 55.588 triệu đồng (tiền thuê sử dụng đất được bù trừ với tiền ứng trước chi phí giải phóng mặt bằng 53.179 triệu đồng, chiếm 95,66% nợ phải thu); nợ phải trả: 68.386 triệu đồng (nợ phải trả Liên danh Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam - Công ty TNHH MTV Công trình giao thông công chánh: 55.203 triệu đồng, chiếm 80,72% nợ phải trả).

### 2.3.3.3 Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1

\* Khả năng trả nợ các khoản vay của Dự án

- Khả năng trả nợ của Dự án được Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 15423/BTC-QLN ngày 11/11/2013: Dự án có đủ khả năng cân đối nguồn vốn để hoàn trả nợ vay ngay từ năm đầu vận hành trong điều kiện dự án hoàn thành đúng tiến độ và dự kiến trong Phương án tài chính của Dự án được cấp kèm theo công văn số 4024/EVN-TCKT ngày 21/10/2013

của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và không có các biến động bất lợi, thực hiện một số biện pháp dự phòng rủi ro và đảm bảo năng lực quản lý dự án;

- Qua công tác kiểm toán cho thấy, việc thanh toán các khoản nợ gốc, lãi vay và các khoản phí liên quan đến các khoản vay được EVN, Tổng Công ty Phát điện 3 đã thanh toán kịp thời theo các điều khoản của các hợp đồng vay vốn, cụ thể:

+ Đối với nguồn vốn vay nước ngoài: Tính đến 30/06/2016, dư nợ hợp đồng tín dụng vay nước ngoài là 1.333,510 triệu USD, trong đó: Khoản vay ADB 1 là 20,63 triệu USD (Số tiền vay: 22,02 triệu USD, số đã trả 1,387 triệu USD), khoản vay ADB 2 là 823,823 triệu USD (Số tiền vay 830,925 triệu USD, số đã trả 7,101 triệu USD); khoản vay Korea Eximbank có bảo lãnh của Bộ Tài chính là 489,053 triệu USD, EVN đã thanh toán nợ gốc, lãi vay, các khoản phí số tiền 1.257.083 triệu đồng theo cam kết các hợp đồng vay và thanh toán phí bảo lãnh của Bộ Tài chính theo quy định;

+ Đối với nguồn vốn trong nước: Dư nợ đến 30/6/2016 là 742.783 triệu đồng, trong đó khoản vay trái phiếu đã được Tổng công ty Phát điện 3 đã trả 223.573 triệu đồng bằng 100% so với số vốn đã vay.

\* Nợ đọng trong đầu tư xây dựng

EVN đã tuân thủ theo các quy định về quản lý nợ công và Nghị định số 15/2011/NĐ-CP của Chính phủ về các khoản vay và tình hình trả nợ: Báo cáo trung thực, đầy đủ các khoản vay liên quan đến việc bảo lãnh của Bộ Tài chính trong đó có các khoản vay nước ngoài của Dự án theo quy định.

Đến 30/6/2016 Chủ đầu tư đã tạm ứng, thanh toán cho các nhà thầu theo quy định của hợp đồng; nợ phải thu 27.021 triệu đồng; nợ phải trả 52.206 triệu đồng do chưa đến hạn thanh toán cho các nhà thầu.

### **Chương 3**

## **ĐÁNH GIÁ TÍNH KINH TẾ, HIỆU QUẢ, HIỆU LỰC TRONG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN - VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ**

### **3.1. Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực trong quản lý tài chính các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện**

#### **3.1.1. Ưu điểm:**

##### *Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1*

Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đã có nhiều cố gắng trong quản lý, triển khai thực hiện Dự án, kết quả bước đầu đã đem lại những hiệu quả nhất định về mặt kinh tế, khi đi vào hoạt động nhà máy có thể thu hồi thạch cao nhân tạo, tro bay và xỉ để sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng, cụ thể;

+ Dự án nhà máy về cơ bản đã huy động đủ nguồn vốn để thực hiện dự án, giải ngân thanh toán cho nhà thầu một cách kịp thời, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

+ Quản lý chi phí của dự án một cách tương đối hiệu quả như: Công tác lập dự toán các gói thầu xây lắp thiết bị với đơn giá vật tư thiết bị sát với giá thị trường; qua công tác đấu thầu đã giảm chi phí; công tác quản lý hợp đồng không để xảy ra những phát sinh lớn; công tác quản lý chất lượng tiến độ đảm bảo các mục tiêu đề ra; công tác nghiệm thu thanh toán đúng quy định...

+ Các dự án lựa chọn được công nghệ hiện đại phù hợp với nguồn nguyên liệu than trong nước giá thành rẻ đã giảm được chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận.

Ngoài ra một số mặt đã làm được làm tăng tính hiệu quả của Dự án như:

+ Dự án nằm trong danh mục các dự án đầu tư phát triển nguồn điện theo quy hoạch điện V hiệu chỉnh, quy hoạch điện VI, quy hoạch điện VII; phù hợp với định hướng quy hoạch xây dựng vùng Nam Thanh – Bắc Nghệ. Dự án đã được các Bộ, ngành, UBND tỉnh Thanh Hóa tham gia ý kiến thống nhất ủng hộ phương án xây dựng. Các đơn vị thực hiện Dự án tuân thủ các

quy định của Nhà nước ban hành; các giải pháp thiết kế kỹ thuật, phương án bảo đảm tác động môi trường, sinh thái, phòng chống cháy nổ được thực hiện theo quy định;

+ Dự án được thiết kế theo công nghệ lò than phun phổ biến trên thế giới và Việt Nam sản xuất nguồn điện tương đối ổn định, không phụ thuộc vào thời tiết, thời gian xây dựng nhanh. Dự án với quy mô công suất 600MW và dự kiến phát triển thành Trung tâm điện lực Nghi Sơn với tổng công suất 1.800 MW khi hoàn thành sẽ tạo thêm hơn 450 công việc cho người lao động trong nhà máy điện với thu nhập ổn định góp phần phát triển kinh tế xã hội trong khu vực. Dự án mang lại nguồn thu đáng kể cho ngân sách địa phương từ các loại thuế và góp phần thu hút các dự án khác đầu tư vào khu vực này. Dự án đưa vào khai thác, sử dụng góp phần đảm bảo nguồn điện, cung cấp tin cậy và an toàn cho khu vực Bắc Trung Bộ (Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh) cũng như đối với hệ thống điện toàn quốc, giảm tổn thất điện năng truyền tải điện, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội vùng Nam Thanh – Bắc Nghệ và khu công nghiệp Nghi Sơn và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh chung cho EVN.

#### *Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1 và dự án cơ sở hạ tầng*

- Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đã có nhiều cố gắng trong quản lý, triển khai thực hiện Dự án, kết quả bước đầu đã đem lại những hiệu quả nhất định về mặt kinh tế; Suất đầu tư theo TMĐT điều chỉnh lần 2 của Dự án sau thẩm định là 1.050 USD/kW thấp hơn so với một số dự án nhà máy nhiệt điện khác có quy mô công suất tương tự như: Mông Dương 1 (1.644 USD/kW), Vĩnh Tân 4 (1.470 USD/kW), Sông Hậu 1 (1.751 USD/kW), Nghi Sơn 2 (1.840 USD/kW).

- Dự án xây dựng nhà máy về cơ bản đã huy động đủ nguồn vốn để thực hiện dự án, giải ngân thanh toán cho nhà thầu một cách kịp thời, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

+ Quản lý chi phí của dự án một cách tương đối hiệu quả như: Công tác lập dự toán các gói thầu xây lắp thiết bị với đơn giá vật tư thiết bị sát với giá

thị trường; qua công tác đấu thầu đã giảm chi phí; công tác quản lý hợp đồng không để xảy ra những phát sinh lớn; công tác quản lý chất lượng tiến độ đảm bảo các mục tiêu đề ra; công tác nghiệm thu thanh toán cơ bản đúng quy định.

+ Dự án lựa chọn được công nghệ hiện đại phù hợp với nguồn nguyên liệu than trong nước giá thành rẻ đã giảm được chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận.

Tổng thầu đã thực hiện việc thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế công nghệ hạng mục thiết bị thuộc gói thầu EPC tuân thủ các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật đã được chủ đầu tư phê duyệt áp dụng cho dự án. Dự án nằm trong danh mục các dự án đầu tư phát triển nguồn điện theo quy hoạch điện V hiệu chỉnh, quy hoạch điện VI, phù hợp với định hướng quy hoạch xây dựng khu vực miền Nam. Dự án đã được các Bộ, ngành, UBND tỉnh Trà Vinh tham gia ý kiến thống nhất ủng hộ phương án xây dựng. Các đơn vị thực hiện Dự án tuân thủ các quy định của nhà nước ban hành, các giải pháp thiết kế, phương án bảo đảm tác động môi trường, sinh thái, phòng chống cháy nổ được thực hiện theo quy định.

Dự án được thiết kế theo công nghệ lò than phun phổ biến trên thế giới và Việt Nam, sản xuất nguồn điện tương đối ổn định, không phụ thuộc vào thời tiết, thời gian xây dựng nhanh. Dự án khi hoàn thành sẽ tạo thêm hơn 668 công việc cho người lao động trong nhà máy điện với thu nhập ổn định góp phần phát triển kinh tế xã hội trong khu vực Duyên Hải - Trà Vinh còn nhiều khó khăn. Dự án mang lại nguồn thu đáng kể cho ngân sách địa phương từ các loại thuế và góp phần thu hút các dự án khác đầu tư vào khu vực này. Dự án được đưa vào khai thác, sử dụng đảm bảo nguồn điện cung cấp cho khu vực miền Nam, góp phần đảm bảo an toàn cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia.

#### *Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1*

- Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đã có nhiều cố gắng trong quản lý, triển khai thực hiện Dự án, kết quả bước đầu đã đem lại những hiệu quả nhất định về mặt kinh tế. Suất đầu tư theo Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 04 của Dự án là 1.596 USD/kW đảm bảo được mặt bằng chung so với một số dự

án nhà máy nhiệt điện khác như: Vĩnh Tân 4 (1.470 USD/kW), Sông Hậu 1 (1.751 USD/kW), Nghi Sơn 2 (1.840 USD/kW);

- Lựa chọn công nghệ tương đối hiện đại trên thế giới để tận dụng nguồn than chất lượng thấp tại địa phương, lựa chọn phương án thải xỉ ướt đảm bảo được yêu cầu về môi trường, thiết kế phù hợp với công nghệ lựa chọn, áp dụng phù hợp các chế độ chính sách (đơn giá, định mức...) của Nhà nước trong tính toán chi phí xây lắp; lựa chọn hình thức đấu thầu rộng rãi đối với các gói thầu có giá trị lớn, qua đấu thầu đã giảm được chi phí đầu tư là 186,53 tỷ đồng với tỷ lệ giảm giá thầu trung bình 19% góp phần đảm bảo tính kinh tế của Dự án.

- Dự án nằm trong danh mục các dự án đầu tư phát triển nguồn quy hoạch điện VI, đã được các Bộ, ngành, UBND tỉnh Quảng Ninh tham gia ý kiến thống nhất phương án xây dựng. Tổng thầu gói thầu EPC đã thực hiện việc thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế công nghệ hạng mục thiết bị tuân thủ các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật đã được chủ đầu tư phê duyệt áp dụng cho dự án;

- Dự án xây dựng nhà máy về cơ bản đã huy động đủ nguồn vốn để thực hiện dự án, giải ngân thanh toán cho nhà thầu một cách kịp thời, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Quản lý chi phí của dự án một cách tương đối hiệu quả như: Công tác lập dự toán các gói thầu xây lắp thiết bị với đơn giá vật tư thiết bị sát với giá thị trường, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán các gói thầu ngoài EPC được lập, thẩm định, phê duyệt tuân thủ các nội dung, chỉ tiêu thiết kế trong quyết định phê duyệt dự án, thiết kế cơ sở; qua công tác đấu thầu đã giảm chi phí; công tác quản lý hợp đồng không để xảy ra những phát sinh lớn; công tác quản lý chất lượng tiến độ đảm bảo các mục tiêu đề ra; công tác nghiệm thu thanh toán cơ bản đúng quy định

- Các gói thầu được tổ chức triển khai thực hiện theo đúng trình tự xây dựng cơ bản tuân thủ các quy định của Luật xây dựng, Luật đấu thầu và các văn bản pháp luật có liên quan của Nhà nước;

- Các hạng mục được tổ chức thi công, nghiệm thu hoàn thành cơ bản đáp ứng yêu cầu mục tiêu, nhiệm vụ được phê duyệt, đảm bảo tính hiệu lực.

- Dự án được thiết kế theo công nghệ lò hơi kiểu tầng sôi tuần hoàn công suất 2x500 MW là tương đối hiện đại trên thế giới và là nhà máy nhiệt điện đầu tiên tại Việt Nam áp dụng, sản xuất nguồn điện tương đối ổn định, không phụ thuộc vào thời tiết, thời gian xây dựng nhanh. Dự án khi hoàn thành sẽ tạo thêm hơn 654 công việc cho người lao động trong nhà máy điện với thu nhập ổn định. Dự án được đưa vào khai thác, sử dụng đảm bảo nguồn điện cung cấp cho khu vực miền Bắc, góp phần đảm bảo an toàn cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia.

### **3.1.2. Hạn chế và nguyên nhân.**

#### *Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1*

Dự án điều chỉnh TMĐT lên gấp hơn 2 lần từ 9.373.000 triệu đồng lên 20.392.522 triệu đồng; Năm 2006, TMĐT ban đầu là 9.373 tỷ đồng (595,14 triệu USD) Dự án đạt được hiệu quả về kinh tế, tài chính, giá bán điện 3,3 cent/kWh (514,3 đồng/kWh) và thời gian hoàn vốn 13 năm. Đến năm 2010 TMĐT được điều chỉnh lên 20.392.522 triệu đồng (1.099 triệu USD) chỉ đạt được hiệu quả về mặt tài chính và giá bán điện 4,78 cent/kWh (899,4 đồng/kWh), để dự án đảm bảo hiệu quả cả về kinh tế và tài chính thì giá bán điện 6,09 cent/kWh vượt giá bán điện theo quy định của Bộ Công Thương (cao nhất 4,85 cent/kWh) và thời gian hoàn vốn 25 năm.

Như vậy, so với TMĐT ban đầu thì TMĐT điều chỉnh tăng gấp hơn 2 lần ( $20.392.522/9.373.000$  triệu đồng), giá bán điện tăng 1,75 lần ( $899,4$  đồng/ $514,3$  đồng/kWh) và thời gian hoàn vốn kéo dài thêm 12 năm (25 năm/13 năm).

- Dự án thực hiện chậm tiến độ khoảng 4 năm (dự kiến hoàn thành cuối năm 2010) so với tiến độ đề ra đã ảnh hưởng đến việc cung cấp sản lượng điện ổn định, an toàn và góp phần làm giảm tổn thất công suất truyền tải trên hệ thống điện; không tiết kiệm chi phí đầu tư thông qua công tác đấu thầu, chi



phí lãi vay tăng 344.705 triệu đồng. Ngoài ra, một số nguyên nhân chậm tiến độ làm tăng chi phí đầu tư như:

- + Chậm có biện pháp tổ chức và xử lý dứt điểm những vấn đề vướng mắc trong việc chi trả tiền đền bù GPMB phải kéo dài;

- + Phát sinh chi phí đầu tư gói thầu 16 phải thay đổi biện pháp tổ chức thi công do chậm giải phóng mặt bằng số tiền 401,6 triệu đồng;

- Trong quá trình nghiệm thu, thanh toán một số hạng mục, gói thầu còn chưa chính xác số tiền 63.711 triệu đồng.

Việc điều chỉnh Dự án, điều chỉnh quy hoạch mặt bằng, điều chỉnh thiết kế cơ sở, điều chỉnh kế hoạch đấu thầu gói thầu EPC không được thẩm tra trước khi phê duyệt. Tổng dự toán điều chỉnh chưa được EVN phê duyệt. Dự án chưa được đưa vào vận hành khai thác thương mại theo hợp đồng đã ký; Chủ đầu tư không lập báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước tại địa phương về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình.

Với suất đầu tư cho 01 kWh điện (2.000,6 USD/kWh) gấp 2 lần quy định của Bộ Xây dựng và TMĐT còn phải tiếp tục điều chỉnh do đến ngày 30/6/2014 tổng chi phí đầu tư đã vượt TMĐT số tiền 3.385.479 triệu đồng; thời gian thu hồi vốn 25 năm (gấp 2 lần so với thiết kế ban đầu) là những yếu tố làm giảm hiệu quả của Dự án.

#### *Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1 và dự án cơ sở hạ tầng*

- + TMĐT còn chưa được tính toán cụ thể, chi tiết dẫn đến chi phí thực hiện đầu tư cao hơn TMĐT được duyệt số tiền 3.185 tỷ đồng.

- + Chủ đầu tư không rút hết giá trị khoản vay cam kết của các hợp đồng vay vốn nước ngoài làm lãng phí phí bảo hiểm tín dụng cho khoản vay 1.083 triệu USD với Ngân hàng Societe Generale số tiền 3,3 triệu USD.

- Dự án Cơ sở hạ tầng: Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đã có nhiều cố gắng trong quản lý, triển khai thực hiện Dự án, kết quả bước đầu đã đem lại những hiệu quả nhất định về mặt kinh tế như: đưa vào khai thác hạ tầng Trung tâm điện lực góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án trong

Trung tâm, tận dụng được nguồn nguyên liệu cát tại chỗ để thi công san lấp mặt bằng góp phần giảm chi phí đầu vào. Quá trình đấu thầu đã làm giảm chi phí đầu tư cho dự án, tiết kiệm kinh phí cho Chủ đầu tư. TMDT điều chỉnh được đánh giá, phân tích tài chính cho từng nội dung đầu tư, các chi phí đầu tư được phân bổ cho từng công trình nguồn điện, cảng trong Trung tâm điện lực để tính vào giá thành sản xuất điện.

Trong công tác lập dự toán: tính sai đơn giá 12.063 triệu đồng; không chiết giảm dự toán gói thầu số 4 giá trị 1.150 triệu đồng; công tác đàm phán, ký kết hợp đồng chưa rà soát lại khối lượng chính xác trước khi ký hợp đồng trọn gói làm tăng giá trị hợp đồng gói số 3, 4 lên 123 triệu đồng; chưa chiết giảm đơn giá vật liệu công tác kéo rải căng dây tại gói số 4) phần nào làm giảm tính kinh tế của Dự án.

- Nguồn vốn Dự án chưa được tổ chức cho vay vốn thẩm định phương án tài chính và phương án trả nợ; EVN không gửi báo cáo đầu tư đến Bộ Công Thương tham gia ý kiến; Báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định thuộc EVN không đầy đủ các nội dung theo quy định;

- Tiến độ thực hiện còn chậm so với hợp đồng đã ký, gây chậm trễ trong công tác thanh toán, giải ngân chậm nguồn vốn vay (hợp đồng vay tín dụng có thời hạn đến 26/11/2015, được gia hạn đến 26/5/2016);

- Dự án Cơ sở hạ tầng: Chủ đầu tư, Ban QLDA, các Nhà thầu và các đơn vị có liên quan đã chấp hành theo các quy định của Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, Nghị định về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng, Nghị định về hợp đồng trong hoạt động xây dựng, chế độ quản lý tài chính kế toán... và các văn bản sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung quy chế quản lý đầu tư và xây dựng do Nhà nước ban hành.

- Thuyết minh thiết kế cơ sở thiếu nội dung đánh giá ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng; Nguồn vốn của Dự án chưa được tổ chức cho vay vốn thẩm

định phương án tài chính và phương án trả nợ; Báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định trình EVN phê duyệt dự án sơ sài; Dự án được phê duyệt nhưng không có văn bản thẩm duyệt của cơ quan có thẩm quyền về công tác phòng cháy chữa cháy;

- Chủ đầu tư phê duyệt một số gói thầu lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu với giá gói thầu vượt hạn mức chỉ định thầu, thực hiện đấu thầu chậm gần 2 tháng so với kế hoạch đấu thầu tại gói thầu số 5, một số nhà thầu trúng thầu có hồ sơ dự thầu chưa đầy đủ so với hồ sơ mời thầu.

Việc chậm đưa hai tổ máy vào khai thác vận hành thương mại theo tiến độ hợp đồng đã ký (tổ máy số 1 chậm 5,5 tháng, tổ máy số 2 chậm 4 tháng) đã ảnh hưởng tới tính hiệu quả của dự án. Công nghệ nhiệt điện ngưng hơi có điểm hạn chế so với các công nghệ khác là suất đầu tư cao, thời gian xây dựng dài và không linh hoạt trong vận hành.

- Dự án Cơ sở hạ tầng: Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Duyên Hải là một nút trung gian quan trọng trong hệ thống điện Việt Nam và khu vực Tây Nam Bộ. Dự án xây dựng TTĐL Duyên Hải đã góp phần thay đổi kinh tế khu vực, tỉnh Trà Vinh và Thị xã Duyên Hải. Dự án hoàn thành, giải quyết công ăn việc làm cho một số lượng lớn lao động trong vùng, đồng thời tạo ra diện mạo mới cho tỉnh Trà Vinh nói riêng và khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Hạ tầng hoàn thiện sẽ thu hút thêm nhiều nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh đến tham gia đầu tư mang lại lợi ích cho người dân địa phương.

#### *Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1*

- Những hạn chế trong công tác quản lý tiến độ thực hiện dự án, công tác quản lý chi phí đầu tư đã làm ảnh hưởng nhiều đến tính kinh tế của Dự án.

- Một số tồn tại trong công tác lập dự án, thực hiện dự án, công tác huy động vốn, bố trí vốn làm ảnh hưởng đến tính hiệu lực của Dự án.

- Việc chậm đưa hai tổ máy vào khai thác vận hành thương mại theo tiến độ hợp đồng mặc dù Dự án đã được hưởng cơ chế, chính sách đặc thù theo Quyết định 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005 của Thủ tướng chính phủ;

- Chưa có sự phối hợp với các ngành công nghiệp khác để tái sử dụng nguồn tro xỉ của nhà máy;

- Việc huy động công suất thấp và thường xuyên dự phòng tổ máy (chỉ được huy động 71,3% số giờ vận hành của tổ máy theo quy định) trong khi nhà máy vẫn phải trả lãi suất vay, khấu hao, trả lương đội ngũ vận hành sửa chữa....dẫn đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 của nhà máy chỉ đạt lợi nhuận trước thuế là 399 tỷ đồng thấp hơn so dự án đề ra khoảng 170 tỷ đồng.

### **3.2. Một số khuyến nghị nhằm tăng cường tính hiệu quả của các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện**

#### **3.2.1. Khuyến nghị với Ban QLDA**

- Tuân thủ chặt chẽ chế độ báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, chuẩn hóa sổ kế toán

- Lập kế hoạch vốn phù hợp với yêu cầu thực hiện dự án cho từng năm, từng giai đoạn đầu tư của dự án, tránh việc lập kế hoạch vốn quá cao không giải ngân hết làm lãng phí nguồn vốn hoặc không đủ vốn thanh toán gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư cần lựa chọn công nghệ một cách chính xác trong đó đảm bảo tính hiện đại, yêu cầu về ô nhiễm môi trường và phù hợp với nguồn lực hiện có.

- Trình cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh TMĐT, dự toán kịp thời làm cơ sở thanh quyết toán các chi phí phát sinh.

- Xác định rõ chi phí dùng chung của từng nhà máy riêng trong cụm nhà máy nhiệt điện để ghi chi phí đầu tư cho các nhà máy được chính xác làm cơ sở quyết toán dự án.

- Đối với các hợp đồng có giá trị lớn được thực hiện theo hình thức EPC với nhà thầu nước ngoài cần phải đàm phán rõ chi tiết từng điều khoản về yêu cầu chất lượng các hạng mục xây lắp; đồng bộ về chủng loại và xuất xứ thiết bị, giá hợp đồng, phương thức thanh toán, điều khoản thưởng phạt

hợp đồng làm cơ sở cho công tác quản lý thực hiện sau này tránh phát sinh thêm chi phí;

- Giám sát chặt chẽ chất lượng xây lắp, lắp đặt thiết bị theo yêu cầu kỹ thuật đặt ra và các quy định tại hợp đồng;

- Quản lý tiến độ chung của dự án cũng như của từng các gói thầu hạn chế đến mức thấp nhất việc phạt chậm tiến độ hợp đồng;

- Chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị TVGS quản lý về khối lượng, đơn giá nghiệm thu thanh toán để hạn chế việc thanh toán không khối lượng, đơn giá không đúng gây thất thoát lãng phí vốn dự án;

- Phối hợp với UBND các tỉnh, địa phương nơi xây dựng nhà máy nhiệt điện để thực hiện tốt công tác đền bù giải phóng mặt bằng để khởi công xây dựng đúng kế hoạch;

- Gia hạn tiến độ, thực hiện nghiêm túc các chính sách thưởng cũng như biện;

- Cần quyết toán hoàn thành toàn bộ dự án nhanh chóng, kịp thời khi hoàn thành công tác xây dựng nhà máy để làm cơ sở hạch toán TSCĐ, xác định hiệu quả sản xuất khi đưa vào vận hành thương mại;

- Khẩn trương quyết toán chi phí chạy thử để ghi nhận chi phí chạy thử một cách chính xác làm cơ sở quyết toán dự án;

- Phối hợp với UBND các tỉnh, địa phương nơi xây dựng nhà máy nhiệt điện để thực hiện tốt công tác đền bù giải phóng mặt bằng;

- Ngay sau khi nhà máy đi vào hoạt động cần hoàn thành các thủ tục cấp giấy phép để đưa sản phẩm vào vận hành thương mại

- Xây dựng quy chế xác định rõ trách nhiệm các cá nhân, tập thể để xảy ra các sai sót trong công tác quản lý thực hiện xây dựng dự án.

### **3.2.2. Khuyến nghị đối với Chủ đầu tư**

Là đơn vị chủ quản, trực tiếp quản lý sản lượng, doanh thu và chi phí điện đối với tất cả các nhà máy sản xuất điện trên cả nước, Chủ đầu tư thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cần:

- Chỉ đạo Ban QLDA thực hiện nghiêm túc quy chế quản lý tài chính, quy trình đầu tư dự án của nhà nước, của Tập đoàn EVN;

- Nghiên cứu lựa chọn công nghệ một cách chính xác trong đó đảm bảo tính hiện đại, yêu cầu về ô nhiễm môi trường và phù hợp với nguồn lực hiện có để hạn chế thay đổi làm tăng chi phí đầu tư;

- Thẩm định, phê duyệt, cấp vốn đầy đủ kịp thời theo kế hoạch vốn Ban QLDA trình;

- Kịp thời thẩm tra, thẩm định các phát sinh dự toán, điều chỉnh TMĐT trình EVN, Bộ công thương phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án theo quy định làm cơ sở thanh quyết toán;

- Ngay khi dự án đưa vào chạy thử phải đàm phán với các công ty mua bán điện để xác định giá bán điện trong giai đoạn chạy thử để có cơ sở quyết toán chi phí chạy thử;

- Chỉ đạo, kiểm tra Ban QLDA quản lý chặt chẽ chi phí thực hiện dự án tránh thất thoát lãng phí vốn của dự án;

- Xác định rõ trách nhiệm các cá nhân, tập thể để xảy ra các sai sót trong công tác quản lý thực hiện xây dựng dự án.

### ***3.2.3 Khuyến nghị với Tập đoàn Điện lực Việt Nam***

- Chỉ đạo Chủ đầu tư, Ban QLDA thực hiện nghiêm túc quy chế quản lý tài chính, quy trình đầu tư dự án của nhà nước, của Tập đoàn EVN;

- Phối hợp chặt chẽ Bộ Tài chính để đàm phán các khoản vay nước ngoài được bảo lãnh của chính phủ để huy động đủ vốn cho dự án và các chi phí vay là thấp nhất;

- Thẩm tra, thẩm định, phê duyệt, cấp vốn đầy đủ kịp thời theo kế hoạch vốn Ban QLDA trình;

- Thu xếp bố trí nguồn vốn tự có đầy đủ kịp thời theo đúng cơ cấu vốn đã được phê duyệt trong TMĐT;

- Thẩm định phê duyệt hoặc trình bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh TMĐT kịp thời làm cơ sở thanh quyết toán dự án;

- Xây dựng, chỉ đạo các công ty mua bán điện trong Tập đoàn cơ chế ưu tiên cho các nhà máy mới đưa vào vận hành thương mại phát huy tối đa công suất để có nguồn thu lớn nhất để trả nợ các khoản vay;

- Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân khi để xảy ra tồn tại sai sót trong quá trình thực hiện dự án.

### **3.3. Kiến nghị đối với cơ quan Bộ và Chính phủ**

#### **3.3.1. Đối với Bộ công thương**

- Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Tổng công ty phát điện , Ban QLDA thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, có phương án thu xếp vốn đầy đủ, kịp thời theo đúng trình tự quy định;

- Xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt quy hoạch điện (đầu tư dự án nguồn điện, dự án truyền tải điện) một cách hợp lý đảm bảo cho việc thu xếp vốn đầu tư, thời điểm đầu tư để phát huy hiệu quả đầu tư các dự án điện;

- Phối hợp với Bộ tài chính, Bộ Kế hoạch đầu tư và các địa phương để thu xếp vốn, GPMB tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư các dự án điện;

- Chỉ đạo Tập đoàn điện lực Việt Nam và các chi nhánh công ty TNHH MTV, các Ban quản lý dự án Nhiệt điện xây dựng phương án phát điện hàng năm phù hợp công suất mỗi nhà máy nhiệt điện.

#### **3.3.2. Đối với Bộ Tài chính**

- Tăng cường hơn nữa vai trò cơ quan quản lý bảo lãnh Chính phủ trong việc trình Chính phủ các Dự án vay vốn nước ngoài được xem xét cấp bảo lãnh Chính phủ khi thẩm định không đủ điều kiện được bảo lãnh nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của người được bảo lãnh.

- Trình Chính phủ xem xét không cấp và thu phí bảo lãnh đối với các dự án vay vốn nước ngoài do Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về khoản vay và có hợp đồng Bảo hiểm tín dụng đối với nguồn vốn vay nhằm giảm nợ công của Chính phủ và đảm bảo hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm tín dụng;

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công thương, Tập đoàn EVN trong việc đàm phán các khoản vay nước ngoài nhằm đạt được các khoản chi phí đi vay là thấp nhất.

### **3.3.3. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường**

- Tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép hoạt động cho các công trình bảo vệ môi trường trong quá trình chạy vận hành thương mại Dự án Nhiệt điện;

- Phối hợp UBND các tỉnh có dự án nhà máy Nhiệt điện chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh giám sát công tác xả thải của các Dự án và có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật đối với những tác nhân có ảnh hưởng đến môi trường tại Dự án.

### **3.3.4. Đối với Chính phủ**

- Phê duyệt quy hoạch điện quốc gia một cách hợp lý nhằm đảm bảo an ninh năng lượng, không gây ảnh hưởng đến môi trường;

- Chỉ đạo các Bộ ngành, địa phương liên quan phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi nhất để đầu tư các dự án điện nhằm thực hiện đầu tư dự án tiết kiệm, hiệu quả, không làm tăng nợ công;

- Thủ tướng chính phủ chỉ đạo Bộ Công thương, Bộ Tài chính và các bộ ngành có liên quan nghiên cứu, hướng dẫn cơ chế tài chính của Tập đoàn điện lực Việt Nam tránh hiện tượng thu trùng phí cho vay lại đối với nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đã được Bộ Tài chính thu phí vay lại.



## KẾT LUẬN

Các nhà máy nhiệt điện đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân do khả năng cung ứng một sản lượng điện đáng kể, đáp ứng nhu cầu điện cho phát triển kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với sản lượng điện từ các nhà máy thủy điện cung ứng, sản lượng điện được sản xuất ra từ các nhà máy nhiệt điện đã làm gia tăng tổng sản lượng điện trên toàn quốc tạo nên một ngành kinh tế điện tăng trưởng và phát triển, đóng góp không nhỏ vào GDP của cả nước. Vì vậy, công tác quản lý tài chính đối với các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc đảm bảo tính hiệu quả của ngành này. Làm tốt công tác quản lý tài chính các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện chẳng những góp phần giảm giá thành và giá bán đối với điện thương mại, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về điện cho sản xuất, kinh doanh và cho sinh hoạt mà còn nâng cao tính hiệu quả của đồng vốn đầu tư – yêu cầu quan trọng nhất cho việc ra quyết định đầu tư.

Tuy nhiên việc đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện cũng cần cân nhắc, xem xét đến tính hiệu quả của nguồn lực, nhất là trong nguồn nguyên liệu đầu vào cho nó là than ngày càng trở nên khan hiếm. Việc đầu tư xây dựng các nhà máy nhiệt điện không chỉ dừng lại ở việc xem xét tính hiệu quả của một đồng vốn đầu tư để có được sản lượng điện mà còn cân nhắc giữa việc có nên tạo ra điện bằng cách này hay không bởi quản lý tài chính phải được xem xét trên góc độ toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Ngày nay người ta đã tính đến nguồn năng lượng khác để sản xuất điện ngoài than, dầu, nước thì gió hay năng lượng nguyên tử cũng là một trong những nguyên liệu để tạo ra sản phẩm điện. Vấn đề còn lại là đầu tư tài chính và quản lý tài chính cho hoạt động này thế để đạt được hiệu quả kinh tế xét trên phương diện toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phí Thị Kiều Anh (2016), *Hoàn thiện kiểm toán báo cáo tài chính ngân hàng thương mại tại các doanh nghiệp kiểm toán độc lập ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ, Học viện Tài chính.
2. Nguyễn Tấn Bình, 2004, *Phân tích công cụ quản lý dự án*, NXB Đại học quốc gia Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
3. Thái Bá Cẩn, 2009, *Giáo Trình Phân Tích Và Quản Lý Dự Án Đầu Tư*, NXB Giáo Dục 2009, Hà Nội.
4. PGS.TS Thái Bá Cẩn, *Lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý & điều hành dự án đầu tư xây dựng*
5. PGS.TS. Trần Mạnh Dũng - PGS.TS. Phạm Đức Cường - TS. Đinh Thế Hùng, *Lập, đọc, phân tích và kiểm tra báo cáo tài chính tác giả*
6. TS. Bùi Tiên Hanh, THS Phạm Thanh Hà, 2015, *Giáo trình Quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước*, NXB Tài chính
7. Vương Đình Huệ (2009), *Nội dung và phương pháp kiểm toán hoạt động đối với các Chương trình, dự án đầu tư bằng nguồn vốn NSNN*, Đề tài nghiên cứu.
8. Phạm Tiến Hưng (2009). *Hoàn thiện kiểm toán báo cáo tài chính của các Công ty xây lắp của các tổ chức kiểm toán độc lập*. Luận án Tiến sỹ. Học viện Tài chính
9. Đinh Thế Hiển, *Quản trị tài chính đầu tư lý thuyết và ứng dụng*
10. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2007, *Giáo trình quản lý dự án*.
11. Kiểm toán nhà nước (2014-2017), các Báo cáo kiểm toán liên quan đến các dự án nhà máy nhiệt điện.
12. Lưu Trường Kháng (2012), *Hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán dự án đầu tư do KTNN Việt Nam thực hiện*, Luận án tiến sỹ, Học

- viện Tài chính.
13. Hoàng Văn Lương (2012), Hoạt động kiểm toán đối với việc chống thất thoát, lãng phí và tiêu cực trong đầu tư XD CB, Luận án tiến sỹ, Học viện Tài chính.
  14. Trần Xuân Nam, 2015, Kế toán tài chính, NXB Tổng hợp
  15. Nguyễn Bạch Nguyệt, 2010, Giáo trình Lập Dự Án Đầu Tư, NXB Thống kê
  16. Nguyễn Thị Mỹ (2012), *Hoàn thiện kiểm toán báo cáo tài chính của các Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam*. Luận án Tiến sỹ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
  17. Quốc hội (2003), Luật Xây dựng, số 16/2003/QH11.
  18. Quốc hội (2009), Luật Quản lý nợ công, số 29/2009/QH12.
  19. Quốc hội (2013), Luật Đấu thầu, số 43/2013/QH13.
  20. Quốc hội (2014), *Luật Đầu tư công*, số 49/2014/QH13.
  21. Quốc hội (2015), *Luật Kiểm toán nhà nước*, số 81/2015/QH13.
  22. THS Vũ Thị Bích Quỳnh, 2008, Lý thuyết quản trị tài chính, NXB Thống kê
  23. Viện nghiên cứu tin học và kinh tế ứng dụng, 2008, *Quản trị dự án đầu tư - Lý thuyết và ứng dụng*, NXB Lao động Xã Hội.